

Số: 400/SNV-CCHC&TCPCP  
V/v hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm  
tiêu chí theo dõi, đánh giá kết quả công  
tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh  
Kiên Giang

Kiên Giang, ngày 23 tháng 3 năm 2022

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

Thực hiện Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bảng tiêu chí theo dõi, đánh giá kết quả công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Bảng 1, Bảng 2, Bảng 3 ban hành kèm theo Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Sở Nội vụ hướng dẫn các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (cơ quan, đơn vị, địa phương) về việc tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2021 như sau:

### **1. Về tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí (TC), tiêu chí thành phần (TCTP)**

Căn cứ vào kết quả cải cách hành chính thực tế đạt được, các cơ quan, đơn vị, địa phương tiến hành tự đánh giá, chấm điểm cho từng TC, TCTP trên cơ sở xem xét, đối chiếu với các tiêu chuẩn hoặc yêu cầu và cách chấm điểm tương ứng với từng TC, TCTP nêu tại Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3 (kèm theo).

### **2. Về tài liệu kiểm chứng**

- Việc tự đánh giá, chấm điểm của cơ quan, đơn vị, địa phương phải gửi kèm theo các tài liệu kiểm chứng (như: báo cáo, kế hoạch, thông báo, quyết định...) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để xác định mức độ tin cậy của việc tự đánh giá, chấm điểm cho từng TC, TCTP.

- Ngoài việc cung cấp các tài liệu kiểm chứng được liệt kê tại Bảng 1, Bảng 2 và Bảng 3, các cơ quan, đơn vị, địa phương có thể bổ sung các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có) đủ độ tin cậy để chứng minh kết quả tự đánh giá, chấm điểm các TC, TCTP.

- Đối với các TC, TCTP không có tài liệu kiểm chứng, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương giải trình rõ về cách đánh giá, tính điểm.

- Tài liệu kiểm chứng được gửi đến Sở Nội vụ bằng hình thức văn bản file điện tử (bản scan của văn bản giấy đồng thời kèm theo Báo cáo tổng hợp kết quả

tự đánh giá, chấm điểm) gửi vào địa chỉ email của ông Mai Thanh Bình, Trưởng phòng Cải cách hành chính và Tổ chức phi chính phủ, Sở Nội vụ ([mtbinh.snv@kiengiang.gov.vn](mailto:mtbinh.snv@kiengiang.gov.vn)). Việc sắp xếp các tài liệu kiểm chứng phải bảo đảm tính khoa học, tạo thuận lợi cho việc tra cứu, thẩm định.

### **3. Về báo cáo tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị, địa phương**

a) Nội dung báo cáo:

Sau khi tự đánh giá, chấm điểm các TC, TCTP được liệt kê tại Bảng 1, Bảng 2 và Bảng 3, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng báo cáo gửi Sở Nội vụ (qua Phòng Cải cách hành chính và Tổ chức phi chính phủ) để tổng hợp theo quy định. Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm TC, TCTP tiêu chí tự đánh giá, chấm điểm kết quả công tác CCHC cần có các nội dung sau:

+ Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần tiêu chí tự đánh giá, chấm điểm kết quả công tác cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương theo mẫu gửi kèm tại Phụ lục;

+ Các tài liệu kiểm chứng gửi kèm để phục vụ cho công tác thẩm định (bao gồm cả văn bản, do lãnh đạo của cơ quan, đơn vị, địa phương ký, giải trình về việc tự đánh giá, chấm điểm đối với những TC, TCTP không có tài liệu kiểm chứng).

**Lưu ý:** Các tài liệu kiểm chứng phải được đính kèm bằng hình thức chèn **Insert object** hoặc kết nối tài liệu qua **Insert hyperlink** trên Bảng tổng hợp kết quả chấm điểm của cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có).

b) Thời gian gửi báo cáo:

Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị, địa phương phải do lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương phê duyệt và gửi đến Sở Nội vụ chậm nhất là ngày **12 tháng 4 năm 2022** để tổng hợp.

Trên đây là hướng dẫn của Sở Nội vụ về tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2021 của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nội vụ để kịp thời giải quyết. Địa chỉ liên hệ: Ông Mai Thanh Bình, Trưởng phòng Cải cách hành chính và Tổ chức phi chính phủ, Sở Nội vụ; điện thoại: 0918123329; email: [mtbinh.snv@kiengiang.gov.vn](mailto:mtbinh.snv@kiengiang.gov.vn)./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND cấp huyện và UBND cấp xã;
- GD và các PGD Sở;
- Lưu: VT, mtbinh.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Huỳnh Xuân Luật**

**Phụ lục 1**

**HƯỚNG DẪN TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN  
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH SỞ, BAN, NGÀNH**

*(Kèm theo Công văn số 400/SNV-CCHC&TCPCP ngày 23/3/2022 của Giám đốc Sở Nội vụ)*

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
1.	TC 1.1 - Thực hiện kế hoạch CCHC	<p>Yêu cầu: Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành từ 80% - 100% số nhiệm vụ theo kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức</li> </ul> $\frac{\text{Tỷ lệ \% số nhiệm vụ hoàn thành} \times 3}{100\%}$ <p>Ví dụ: Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch là 85% thì điểm đánh giá là <math>[85\% \times 3] / 100\% = 2.55</math> điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành dưới 80% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch CCHC năm;</li> <li>- Báo cáo CCHC năm;</li> <li>- TLKC khác nếu có.</li> </ul>
2.	TC 1.2 - Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	<p>Yêu cầu: Các báo cáo phải đáp ứng đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định thì điểm đánh giá là 2</li> <li>- Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo thì điểm đánh giá là 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Nội vụ căn cứ vào Công văn số 435/SNV-CCHC&amp;TCPCP ngày 20/4/2021 của Giám đốc Sở Nội vụ về việc xây dựng kế hoạch và thực hiện chế độ báo cáo CCHC năm 2021. Đồng thời tính thời gian các đơn vị gửi báo cáo qua Trang HSCV của tỉnh và chữ ký số trong báo cáo của các đơn vị.</li> <li>- Các báo cáo CCHC Quý I, 6 tháng, Quý III và báo cáo năm.</li> </ul>
3.	TC 1.3.1 - Tỷ lệ phòng, ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc (nếu có) sở, ban, ngành tỉnh được kiểm tra trong năm	<p>Tính tỷ lệ % giữa số phòng, ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc đơn vị được kiểm tra trong năm so với tổng số phòng, ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 30% trở lên thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Từ 20% - dưới 30% thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>- Dưới 20% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch kiểm tra của đơn vị</li> <li>- Các thông báo kết luận kiểm tra.</li> </ul>
4.	TCTP 1.3.2 - Xử lý các vấn đề phát hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê:</li> <li>+ Tổng số vấn đề phải xử lý (a);</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thông báo kết luận kiểm tra.</li> <li>- Các văn bản thể hiện nội dung đã được xử lý.</li> </ul>



STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	qua kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Số vấn đề đã hoàn thành việc xử lý (b);</li> <li>+ Số vấn đề đã xử lý nhưng chưa hoàn thành (c).</li> <li>- Trường hợp có vấn đề phát hiện phải xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức: <math display="block">(b/a)*2 + (c/a)*1</math></li> <li>- Trường hợp không có vấn đề phải xử lý sau kiểm tra (<math>a = 0</math>) thì điểm đánh giá là 2.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>lý hoặc kiến nghị xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra.</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
5.	TC 1.4 - Công tác tuyên truyền CCHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu tuyên truyền CCHC cả 2 hình thức sau: (1) Tổ chức các hội nghị, tập huấn chuyên đề CCHC; (2) Đăng tải thông tin CCHC trên website của tỉnh hoặc của đơn vị thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Ngoài các hình thức trên, nếu tuyên truyền CCHC bằng ít nhất một trong số các hình thức khác, như: Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC; tuyên truyền CCHC trên Đài PT-TH của tỉnh; Báo Kiên Giang thì điểm đánh giá được CỘNG THÊM 1 điểm;</li> <li>- Nếu không thực hiện nội dung nào trong các yêu cầu trên thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các báo cáo CCHC định kỳ;</li> <li>- Cung cấp các đường link tới tin, bài, hình ảnh đã tuyên truyền về CCHC trên website;</li> <li>- TLKC khác (nếu có)</li> </ul>
6.	TC 1.5 - Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các sáng kiến hoặc giải pháp, cách làm mới trong CCHC phải đáp ứng yêu cầu được UBND tỉnh phê duyệt hoặc được Tỉnh ủy cho phép thì điểm hoặc được Hội đồng sáng kiến tỉnh công nhận.</li> <li>- Nếu có từ 03 sáng kiến hoặc giải pháp mới trở lên thì điểm đánh giá là 2; có 02 sáng kiến hoặc giải pháp mới thì điểm đánh giá là 1.5; có 01 sáng kiến hoặc giải pháp mới thì điểm đánh giá là 1; không có sáng kiến hoặc giải pháp mới thì điểm đánh giá là 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các văn bản phê duyệt triển khai các giải pháp mới trong thực hiện các nội dung CCHC;</li> <li>- Các văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).</li> <li>- TLKC khác nếu có.</li> </ul>
7.	TC 1.6 - Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	Không bắt buộc thực hiện tự chấm đối với tiêu chí này. Sở Nội vụ sẽ căn cứ vào Báo cáo của Tổ công tác 770 để chấm, cho điểm theo các thang điểm đã quy định.	Sở Nội vụ căn cứ vào báo cáo của Tổ 770
8.	TC 2.1 - Xây dựng VBQPPL trong năm được UBND tỉnh giao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Xây dựng VBQPPL trong năm được UBND tỉnh giao. Nếu:</li> <li>+ 100% số văn bản ban hành đúng tiến độ thì điểm đánh giá là 2;</li> <li>+ Từ 50% - dưới 100% số văn bản thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>+ Dưới 50% số văn bản thì điểm đánh giá là 0.</li> <li>- Trường hợp không được giao xây dựng VBQPPL thì điểm đánh giá là 2.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đăng ký xây dựng VBQPPL.</li> <li>- Văn bản chấp thuận của Thường trực HĐND, UBND tỉnh.</li> <li>- VBQPPL đã được ban hành.</li> </ul>
9.	TC 2.2 - Tham gia	Yêu cầu: Tham gia góp ý dự thảo VBQPPL của tỉnh do các sở, ban, ngành	Công văn góp ý dự thảo Nghị quyết của

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	góp ý dự thảo VBQPPL của tỉnh do các sở, ban, ngành gửi đến	gửi đến. Nếu: - Góp ý từ 80% - 100% dự thảo VBQPPL thì điểm đánh giá là 2; - Góp ý từ 50% - dưới 80% dự thảo VBQPPL thì điểm đánh giá là 1; - Góp ý dưới 50% dự thảo VBQPPL thì điểm đánh giá là 0	HĐND tỉnh, dự thảo Quyết định của UBND tỉnh.
10.	TC 2.3 - Tham mưu xử lý VBQPPL trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị	Yêu cầu: Tham mưu xử lý VBQPPL trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị. Nếu: - Tham mưu xử lý kịp thời, đúng quy định 100% VBQPPL thì điểm đánh giá là 1; - Tham mưu xử lý dưới 100% VBQPPL hoặc chậm tham mưu xử lý thì điểm đánh giá là 0.	- Văn bản kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền. - Văn bản QPPL đã được ban hành để xử lý.
11.	TC 2.4 - Báo cáo công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL hằng năm	Yêu cầu: Các báo cáo công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL hằng năm. Nếu: - Báo cáo đúng hạn và đầy đủ nội dung thì điểm đánh giá là 1; - Báo cáo trễ hạn hoặc không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ nội dung thì điểm đánh giá là 0.	Báo cáo công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL.
12.	TCTP 2.5.1 - Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	Yêu cầu: Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật. Nếu: - Ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật đúng quy định và đảm bảo thời gian thì điểm đánh giá là 1; - Thu thập thông tin về theo dõi tình hình thi hành pháp luật đảm bảo đúng yêu cầu, đúng thời gian quy định thì điểm đánh giá là 1.	- Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật hàng năm (ban hành trước tháng 3 hàng năm) - Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật.
13.	TCTP 2.5.2 - Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật	Yêu cầu: Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Nếu: - Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo thẩm quyền thì điểm đánh giá là 2; - Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo thẩm quyền thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật; - Các văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật
14.	TCTP 3.1.1 - Tham mưu cấp có thẩm quyền thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	Yêu cầu: Tham mưu cấp có thẩm quyền thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền. Nếu: - Không có TTHC ban hành trái thẩm quyền thì điểm đánh giá là 1.5; - Có TTHC ban hành trái thẩm quyền thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của các sở, ban, ngành - Văn bản quy định TTHC do sở, ban, ngành cung cấp - Văn bản của cơ quan có thẩm quyền kết luận việc ban hành TTHC trái thẩm quyền (nếu có)

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
15.	TCTP 3.1.2 - Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	Yêu cầu: Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC. Nếu: - 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá là 1.5; - Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của các sở, ban, ngành - Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa (nếu có) - Văn bản xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC
16.	TCTP 3.2.1- Tham mưu cấp có thẩm quyền công bố TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh	Yêu cầu: Tham mưu cấp có thẩm quyền công bố TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh. Nếu: - Đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; - Không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của các sở, ban, ngành - Quyết định công bố TTHC
17.	TCTP 3.2.2 - Tham mưu cấp có thẩm quyền công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC	Yêu cầu: Tham mưu cấp có thẩm quyền công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC. Nếu: - 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của CQCM cấp tỉnh đã được công bố thì điểm đánh giá là 0.5; - 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện đã được công bố thì điểm đánh giá là 0.25; - 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã đã được công bố thì điểm đánh giá là 0.25. <i>Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chưa công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC cấp xã thì được cộng 0.25 điểm.</i>	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của các sở, ban, ngành - Quyết định công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC
18.	TCTP 3.2.3 - Công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC	Yêu cầu: Công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC. Nếu: - Công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC thì điểm đánh giá là 1; - Công khai TTHC không đầy đủ, không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của các sở, ban, ngành - Kết quả kiểm tra trực tiếp (nếu có)
19.	TCTP 3.2.4 - Công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử	Yêu cầu: Công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh và Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị. Nếu: - 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được công khai đầy đủ trên	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của các sở, ban, ngành - Kết quả kiểm tra trực tiếp trên website (nếu

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	(TTĐT) của tỉnh và Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị	Công TTĐT của tỉnh và Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị thì điểm đánh giá là 1; - Dưới 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được công khai thì điểm đánh giá là 0.	có)
20.	TCTP - 3.2.5 - Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng TTĐT hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh	Yêu cầu: Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng TTĐT hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh. Nếu: - 100% công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 1; - Dưới 100% công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của các sở, ban, ngành - Kết quả kiểm tra trực tiếp trên cổng (nếu có)
21.	TCTP 3.3.1 - Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	Yêu cầu: Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa. Nếu: - 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết thì điểm đánh giá là 2; - Dưới 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết thì điểm đánh giá là 0.	Báo cáo triển khai thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông của các sở, ban, ngành (có thể lồng ghép vào báo cáo công tác kiểm soát TTHC)
22.	TCTP 3.3.2 – Tham mưu cấp có thẩm quyền công bố danh mục nhóm thủ tục hành chính liên thông đúng theo quy định	Yêu cầu: Các sở, ban, ngành tỉnh tham mưu cấp có thẩm quyền công bố danh mục nhóm thủ tục hành chính liên thông đúng theo quy định. Nếu: - Đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; - Không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	Báo cáo triển khai thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông của các sở, ban, ngành (có thể lồng ghép vào báo cáo công tác kiểm soát TTHC)
23.	TCTP 3.4.1 - Hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Yêu cầu: Hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn. Nếu: - Từ 95 % - 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ đúng hạn} \times 3.5}{100\%}$ Ví dụ: Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn là 96% thì điểm đánh giá là $[96\% \times 3.5] / 100\% = 0.03$ điểm. - Dưới 95% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của các sở, ban, ngành - Kết quả thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền
24.	TCTP 3.4.2 - Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ	Yêu cầu: Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC. Nếu: - Đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là 1.5; - Không đầy hoặc không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của các sở, ban, ngành - Văn bản xin lỗi - Kết quả thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	TTHC		
25.	TCTP 3.5.1 - Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	<p>-Yêu cầu: Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết. Nếu:</p> <p>+ Tất cả kiến nghị đã được trả lời thì điểm đánh giá là 3;</p> <p>+ Tất cả kiến nghị đang trả lời thì điểm đánh giá là 1;</p> <p>+ Tất cả kiến nghị chưa trả lời thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>Điểm đánh giá được tính theo công thức:</p> $(b/a)*3 + (c/a)*1$ <p>Trong đó:</p> <p>a là tổng số kiến nghị phải trả lời.</p> <p>b là số kiến nghị đã được trả lời.</p> <p>c là số kiến nghị đang trả lời (có dự thảo).</p> <p>- Trường hợp không có PAKN (a = 0) thì điểm đánh giá là 3</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của các sở, ban, ngành</li> <li>- Văn bản trả lời PAKN do sở, ban, ngành cung cấp.</li> <li>- Kết quả đánh giá theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp).</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
26.	TCTP 3.5.2 - Công khai kết quả trả lời phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền	<p>Yêu cầu: Công khai kết quả trả lời phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Dưới 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của các sở, ban, ngành</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
27.	TCTP 4.1.1 - Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của sở, ban, ngành tỉnh và đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh theo quy định của bộ, ngành trung ương, của UBND tỉnh	<p>Yêu cầu: Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của sở, ban, ngành tỉnh và đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh theo quy định của bộ, ngành trung ương, của UBND tỉnh. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 2;</li> <li>- Dưới 100% thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề án hoặc quyết định.</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp).</li> </ul>
28.	TCTP 4.1.2 - Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ban, ngành tỉnh theo Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 04/01/2021 của UBND tỉnh.	<p>Yêu cầu: Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ban, ngành tỉnh theo Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 04/01/2021 của UBND tỉnh. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 2;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo thống kê về số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc sở, ban, ngành tỉnh;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	ban, ngành tỉnh theo Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 04/01/2021 của UBND tỉnh	- Thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	(do Sở Nội vụ cung cấp).
29.	TCTP 4.1.3 - Sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập của cơ quan theo Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 04/01/2021 của UBND tỉnh	- Yêu cầu: Sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập của cơ quan theo Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 04/01/2021 của UBND tỉnh. Nếu: + Có triển khai thực hiện đúng nội dung của Kế hoạch (Đề án) thì điểm đánh giá là 1; + Có triển khai thực hiện (tự rà soát, số lượng người làm việc, số lượng cấp phó của đơn vị) thì điểm đánh giá là 0,5; + Không thực hiện thì điểm đánh giá là 0. <i>- Trường hợp cơ quan, đơn vị không có đơn vị SNCL thì chuyển TCTP này lên TCTP 4.1.2 (nếu TCTP 4.1.2 đạt điểm tối đa thì được hưởng trọn điểm của TCTP 4.1.3)</i>	- Đề án gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định; - Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo liên quan; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp).
30.	TCTP 4.2.1 - Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	Yêu cầu: Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính. Nếu: - Sử dụng biên chế công chức đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; - Không sử dụng biên chế công chức đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo CCHC năm của cơ quan, đơn vị hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá; - Quyết định của đơn vị về phân bổ biên chế cho các đơn vị trực thuộc. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp).
31.	TCTP 4.2.2 - Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của sở, ban, ngành tỉnh	Yêu cầu: Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của sở, ban, ngành tỉnh. Nếu: - Số người làm việc tại các đơn vị SNCL bố trí đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; - Không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo CCHC năm của cơ quan, đơn vị hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng số lượng người làm việc trong năm đánh giá; Quyết định của đơn vị về phân bổ biên chế cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp).
32.	TCTP 4.2.3 - Tỷ lệ giảm biên chế so với	Yêu cầu: Tính tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015. Nếu: - Từ 10% trở lên thì điểm đánh giá là 1;	Báo cáo CCHC năm của cơ quan, đơn vị hoặc báo cáo liên quan

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	năm 2015	- Dưới 10% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $[(\text{Tỷ lệ \% giảm biên chế} \times 1)/(10\%)]$ .	
33.	TCTP 4.3.1 - Thực hiện phân cấp quản lý do bộ quản lý ngành quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành	Yêu cầu: Thực hiện phân cấp quản lý do bộ quản lý ngành quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. Nếu: - Có tham mưu UBND tỉnh hoặc quyết định theo thẩm quyền, đúng quy định thì điểm đánh giá là 2; - Không tham mưu UBND tỉnh hoặc quyết định theo thẩm quyền đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	Quyết định, văn bản về thực hiện phân cấp đã ban hành, Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra của cấp có thẩm quyền hoặc báo cáo kết quả tự kiểm tra của cơ quan, đơn vị
34.	TCTP 4.3.2 - Thực hiện đúng quy định về phân cấp quản lý do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành	Yêu cầu: Thực hiện đúng quy định về phân cấp quản lý do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. Nếu: - Thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; - Không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	Kế hoạch kiểm tra và báo cáo kết quả tự kiểm tra
35.	TC 5.1 - Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Yêu cầu: Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nếu: - Có xây dựng, bổ sung Đề án vị trí việc làm sau khi sắp xếp lại tổ chức bộ máy hành chính, sự nghiệp thì điểm đánh giá là 2.5; - 100% số phòng, ban và đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 1.5; - Từ 80% - dưới 100% số phòng, ban và đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; - Dưới 80% số phòng, ban và đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo CCHC năm của tỉnh; - Đề án xây dựng, bổ sung vị trí việc làm sau khi sắp xếp lại. - Báo cáo về cơ cấu ngạch, trình độ chuyên môn, chuyên ngành đào tạo của công chức hiện có mặt tại cơ quan, đơn vị so với khung năng lực của vị trí việc làm được cấp thẩm quyền phê duyệt để đánh giá đạt tỷ lệ %. - Báo cáo về cơ cấu chức danh nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, chuyên ngành đào tạo của viên chức hiện có mặt tại cơ quan, đơn vị so với khung năng lực vị trí việc làm được cấp thẩm quyền phê duyệt để đánh giá đạt tỷ lệ %.
36.	TC 5.2 - Tuyển dụng viên chức	- Yêu cầu: Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) thuộc sở, ban, ngành tỉnh. Nếu: + 100% số đơn vị SNCL thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; + Dưới 100% số đơn vị thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp trong năm không tuyển dụng thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất.	Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thông báo tuyển dụng, quyết định thành lập hội đồng, quyết định thành lập các bộ phận giúp việc hội đồng, quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng,...) hoặc báo cáo kết quả tuyển dụng viên chức.

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		- Trường hợp sở, ban, ngành không có đơn vị sự nghiệp công lập thì chuyển lên TC 5.1	
37.	TC 5.3 - Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo, quản lý cấp phòng và đơn vị trực thuộc	- Yêu cầu: Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo, quản lý cấp phòng và đơn vị trực thuộc. Nếu: + 100% số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định thì điểm đánh giá là 2.5; + Dưới 100% số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp được bổ nhiệm từ những năm trước nhưng có phát hiện sai phạm trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo đánh giá kết quả việc bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý trong năm; - Danh sách trích ngang công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tương đương cấp phòng (trình độ, ngoại ngữ, tin học, chính trị, quản lý nhà nước ...). - Kết luận thanh tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp).
38.	TCTP 5.4.1 - Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	Yêu Cầu: Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định. Nếu: - Thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 2; - Không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp).
39.	TCTP 5.4.2 - Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của công chức, viên chức	Yêu cầu: Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của công chức, viên chức. Nếu: - Không có công chức, viên chức bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì điểm đánh giá là 1; - Có công chức, viên chức bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo CCHC năm của cơ quan, đơn vị hoặc báo cáo về tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của công chức, viên chức trong năm; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp).
40.	TC 5.5 - Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Yêu cầu: Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Nếu đạt: - Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 2}{100\%} \right]$ Ví dụ: Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch là 85% thì điểm đánh giá là $[85\% \times 2] / 100\% = 1.70$ điểm - Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.	Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị.
41.	TCTP 5.6.1 - Xây dựng danh mục và kế hoạch chuyển đổi theo Nghị định	Yêu cầu: Có xây dựng danh mục và kế hoạch chuyển đổi theo Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ theo cầu của UBND tỉnh tại Công văn số 1312/UBND-NC ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh về việc xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo quy định của Luật phòng,	- Danh mục chuyển đổi; - Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của UBND tỉnh	chống tham nhũng. - Có xây dựng danh mục và kế hoạch thì điểm đánh giá là 1; - Không xây dựng thì điểm đánh giá là 0.	
42.	TCTP 5.6.2 - Tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển đổi	- Yêu cầu: Tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển đổi. Nếu: + Chuyển đổi đúng kế hoạch thì điểm đánh giá là 1; + Không chuyển đổi thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp trong năm đánh giá không có người chuyển đổi trong danh mục được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì điểm đánh giá là 1 điểm (phải có văn bản chứng minh)	- Báo cáo và các quyết định chuyển đổi; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ
43.	TCTP 6.1.1 - Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	Yêu cầu: Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách: - Thông kê tổng số tiền phải nộp NSNN đã được Kiểm toán Nhà nước, hoặc cơ quan có thẩm quyền chỉ ra sau thanh tra, kiểm tra về tài chính, ngân sách tại đơn vị trong 02 năm gần nhất (ví dụ: đánh giá cho năm 2021 thì thông kê tổng số các kiến nghị được chỉ ra từ kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước trong các năm 2020, 2021). - Điểm đánh giá được tính theo công thức: $\frac{\text{Tỷ lệ \% số tiền nộp NSMM} \times 2}{100\%}$ Ví dụ: Tỷ lệ % số tiền nộp NSNN là 85% thì điểm đánh giá là $[85\% \times 2] / 100\% = 1.70$ điểm - Trường hợp đơn vị trong 2 năm liền kề với năm đánh giá, chấm điểm CCHC không có kiểm toán hoặc thanh tra, kiểm tra, thì đơn vị phải có báo cáo tự kiểm tra và kết quả tự kiểm tra: + Nếu kết luận không có sai phạm về tài chính thì điểm đánh giá là 1; + Nếu kết luận có sai phạm về tài chính thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo về việc thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của cơ quan, đơn vị. Đối với các cơ quan, đơn vị trong 2 năm liền kề không có cơ quan chức năng thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán thì phải có báo cáo kết quả tự kiểm tra của đơn vị. - Hồ sơ, tài liệu, chứng từ thể hiện số tiền đã nộp NSNN theo kiến nghị (nếu có nộp NSNN khắc phục sau kiểm tra). - Thông báo xét duyệt/thẩm định thông báo quyết toán của cơ quan, đơn vị năm trước liền kề năm đánh giá - Kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Tài chính (Kho bạc Nhà nước). - TLKC khác (nếu có).
44.	TCTP 6.1.2 - Thực hiện quy định của UBND tỉnh về phân cấp quản lý tài sản công theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	Yêu cầu: Thực hiện quy định của UBND tỉnh về phân cấp quản lý tài sản công theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Nếu: - Thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định thì điểm đánh giá là 2; - Thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ theo quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Quy chế quản lý sử dụng tài sản công của đơn vị và đơn vị trực thuộc; - Báo cáo tình hình sử dụng tài sản gửi về STC (Theo khoản 2 Điều 130 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP 26/12/2017)

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
45.	TCTP 6.2.1 - Thực hiện quy định về kinh phí quản lý hành chính	<p>Yêu cầu: Thực hiện quy định về kinh phí quản lý hành chính. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đúng quy định, không sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính thì điểm đánh giá là 2;</li> <li>- Thực hiện có sai phạm theo quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại đơn vị hoặc các báo cáo có thể hiện các nội dung theo yêu cầu của tiêu chí tính đến thời điểm đánh giá.</li> <li>- Kết luận của các cơ quan kiểm toán, thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền (nếu có) hoặc báo cáo tự kiểm tra.</li> <li>- Kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Tài chính.</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
46.	TCTP 6.2.2 - Công khai tài chính và kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị	<p>Yêu cầu: Công khai tài chính và kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công khai tài chính đúng, đầy đủ theo quy định thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Không thực hiện công khai tài chính hoặc công khai chưa đầy đủ theo quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<p>Công khai tài chính của đơn vị thực hiện theo mẫu được quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 (tại điều 3) và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- BC thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của năm đánh giá chấm điểm;</li> <li>- Công khai dự toán ngân sách của năm đánh giá chấm điểm;</li> <li>- Công khai quyết toán năm trước liền kề.</li> <li>- Công khai kết quả thực hiện dự toán trong năm chấm điểm: quý I, 6 tháng (quý II), quý III, quý IV (năm);</li> </ul> <p><i>- Lưu ý: tài liệu kiểm chứng phải có đầy đủ 7 BC nêu trên mới đạt điểm, thiếu bất kỳ 1 BC nào đều không đạt điểm ở TCTP này.</i></p>
47.	TC 6.3 - Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL)	<p>Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL): Đối với cơ quan hành chính không có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, nếu thỏa điều kiện ở 5 TCTP 6.1.1, 6.1.2, 6.2.1, 6.2.2, 6.5, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đúng quy định, không sai phạm tất cả tiêu chí trên thì được thì điểm đánh giá là 2</li> <li>- Thực hiện có sai phạm 1 tiêu chí trừ: 0.4 điểm.</li> </ul>	
48.	TCTP 6.3.1 - Số	Yêu cầu: Số ĐVSNCL thực hiện đạt Kế hoạch được giao về khả năng	Phương án tự chủ tài chính của đơn vị sự

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	ĐVSNCL thực hiện đạt Kế hoạch được giao về khả năng nâng lên tính tự chủ	<p>nâng lên tính tự chủ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phạm vi đánh giá: Cả 03 nhóm đơn vị SNCL thuộc UBND cấp tỉnh, thuộc CQCM cấp tỉnh.</li> <li>- Nếu trong năm đánh giá:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CÓ THÊM từ 01 đơn vị SNCL trở lên được giao tự chủ ở mức cao hơn so với năm trước liền kề (không tính các trường hợp giao lại) thì điểm đánh giá là 2;</li> <li>+ KHÔNG CÓ THÊM đơn vị nào được tăng loại hình thì điểm đánh giá là 0</li> </ul> </li> </ul>	<p>ngành công lập, quyết định giao tự chủ của cơ quan thẩm quyền.</p>
49.	TCTP 6.3.2 - Thực hiện quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các ĐVSNCL	<p>Yêu cầu: Thực hiện quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các ĐVSNCL:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phạm vi đánh giá: Cả 03 nhóm đơn vị SNCL thuộc UBND cấp tỉnh, thuộc CQCM cấp tỉnh.</li> <li>- Nếu KHÔNG CÓ SAI PHẠM được các cơ quan có thẩm quyền chỉ ra trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Nếu CÓ SAI PHẠM được cơ quan có thẩm quyền chỉ ra trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị hoặc các báo cáo có thể hiện các nội dung theo yêu cầu của tiêu chí tính đến thời điểm đánh giá;</li> <li>- Các kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền của Trung ương và địa phương;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính (nếu có);</li> <li>- TLKC khác nếu có.</li> </ul>
50.	TC 6.4 - Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015	<p>Yêu cầu: Tính tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015:</p> <p>Xác định tỷ lệ % giảm chi trực tiếp ngân sách nhà nước (chi thường xuyên) cho đơn vị SNCL trên địa bàn tỉnh trong năm đánh giá so với năm 2015. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 10% trở lên thì điểm đánh giá là 2;</li> <li>- Dưới 10% thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</li> </ul> $\frac{\text{Tỷ lệ \% giảm chi ngân sách} \times 2}{10\%}$ <p>Ví dụ: Tổng chi trực tiếp ngân sách nhà nước (chi thường xuyên) cho đơn vị SNCL thuộc đơn vị A năm 2015 là 100 tỷ đồng, năm 2020 là 95 tỷ đồng. Như vậy, mức chi trực tiếp ngân sách nhà nước cho đơn vị SNCL trong năm 2021 đã giảm 5 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ % là <math>(5/100) * 100\% = 5\%</math> so với năm 2015 (<math>&lt; 10\%</math>). Đối chiếu với thang điểm đánh giá thì điểm cho đơn</p>	<p>Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ năm 2015, 2021, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với cơ quan hành chính: Báo cáo tình hình thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư Liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC và Biểu 01, 02, 03 đính kèm;</li> <li>- Đối với đơn vị sự nghiệp thực hiện báo cáo theo từng lĩnh vực cụ thể như sau:</li> </ul> <p>+ Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác: Báo cáo tình hình thực hiện Nghị định số 141/2016/NĐ-CP theo Phụ lục số 5 và Biểu báo cáo kèm Phụ lục số 5 (số liệu) ban hành kèm theo Thông tư số 145/2017/TT-BTC;</p>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>vị A ở TCTP này được tính theo công thức nêu trên, kết quả như sau: <math>[(5\% \times 2)/(10\%)] = 1</math> điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp cơ quan không có đơn vị sự nghiệp trực thuộc thì:</li> <li>+ Nếu trong năm đơn vị tiết kiệm chi tăng cao hơn năm trước thì điểm đánh giá là 2;</li> <li>+ Nếu số tiết kiệm chi năm nay thấp hơn năm trước từ trên 70% đến bằng năm trước (100%) thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>+ Nếu số tiết kiệm chi năm nay thấp hơn năm trước từ 70% trở xuống thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lĩnh vực sự nghiệp khoa học và công nghệ: Báo cáo tình hình thực hiện Nghị định số 54/2016/NĐ-CP theo Phụ lục số 03 và Biểu mẫu báo cáo kèm Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 90/2017/TT-BTC;</li> <li>+ Lĩnh vực còn lại (giáo dục đào tạo; y tế; giáo dục nghề nghiệp; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin, truyền thông và báo chí): Báo cáo tình hình thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 71/2006/TT-BTC và các biểu: Biểu kèm theo Phụ lục 06 - 01, Biểu kèm theo Phụ lục 06 -02 đính kèm;</li> <li>- Ngoài ra, báo cáo tổng hợp về tình hình thực hiện đổi mới cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập theo biểu đính kèm.</li> </ul>
51.	TC 6.5 - Báo cáo tài chính công theo quy định	<p>Yêu cầu: Các sở, ban, ngành tỉnh gửi báo cáo tài chính công theo quy định.</p> <p>Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đảm bảo số lượng và thời gian theo quy định (từng quý) thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Không báo cáo hoặc báo cáo trễ (mỗi báo cáo trừ 0,25 điểm).</li> </ul>	<p>Báo cáo thực hiện cơ chế tự chủ trong năm theo quy định hiện hành, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với cơ quan hành chính: Báo cáo tình hình thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư Liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC và Biểu 01, 02, 03 đính kèm;</li> <li>- Đối với đơn vị sự nghiệp thực hiện báo cáo theo từng lĩnh vực cụ thể như sau:</li> <li>+ Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác: Báo cáo tình hình thực hiện Nghị định số 141/2016/NĐ-CP theo Phụ lục số 5 và Biểu báo cáo kèm Phụ lục số 5 (sổ liệu) ban hành kèm theo Thông tư số 145/2017/TT-BTC;</li> <li>+ Lĩnh vực sự nghiệp khoa học và công nghệ: Báo cáo tình hình thực hiện Nghị định số 54/2016/NĐ-CP theo Phụ lục số 03 và Biểu</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			<p>mẫu báo cáo kèm Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 90/2017/TT-BTC;</p> <p>+ Lĩnh vực còn lại (giáo dục đào tạo; y tế; giáo dục nghề nghiệp; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin, truyền thông và báo chí): Báo cáo tình hình thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 71/2006/TT-BTC và các biểu: Biểu kèm theo Phụ lục 06 - 01, Biểu kèm theo Phụ lục 06 -02 đính kèm;</p> <p>- Ngoài ra, báo cáo tổng hợp về tình hình thực hiện đổi mới cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập theo biểu đính kèm.</p>
52.	TCTP 7.1.1 - Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử (trong đó có ứng dụng chữ ký số)	<p>- Thống kê:</p> <p>+ Tổng số văn bản đi (trừ văn bản mật) (a)</p> <p>+ Tổng số văn bản đi được gửi dưới dạng điện tử (b)</p> <p>- Tính tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử: <math>(b/a) \cdot 100</math></p> <p>+ Từ 90% trở lên thì điểm đánh giá là 2;</p> <p>+ Từ 60% - dưới 90% thì điểm đánh giá là 1;</p> <p>+ Dưới 60% thì điểm đánh giá là 0.</p>	Báo cáo của cơ quan, đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông
53.	TCTP 7.1.2 - Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng	<p>- Thống kê:</p> <p>+ Tổng số văn bản đến (trừ văn bản mật) (a)</p> <p>+ Tổng số văn bản đến được luân chuyển, xử lý trên môi trường mạng (b)</p> <p>- Tính tỷ lệ % giữa số văn bản, hồ sơ công việc thực hiện trên môi trường mạng và tổng số văn bản, hồ sơ công việc của đơn vị trong năm đánh giá: <math>(b/a) \cdot 100</math></p> <p>+ Từ 80% trở lên thì điểm đánh giá là 1;</p> <p>+ Từ 60% đến dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.5;</p> <p>+ Dưới 60% thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Báo cáo của cơ quan, đơn vị và</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông</p>
54.	TCTP 7.1.3 - Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	Yêu cầu: Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị. Trang thông tin điện tử có đăng tải tin bài với tần suất ít nhất 1 tin/tuần được xem là thường xuyên (không bao gồm việc đăng tải các văn bản). Nếu:	Báo cáo CCHC và đường link đã cung cấp tin bài của đơn vị; kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị được duy trì, cập nhật thường xuyên, đầy đủ các thông tin theo quy định thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>+ Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị không duy trì, cập nhật đầy đủ các thông tin theo quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	
55.	TCTP 7.2.1 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận và xử lý trên phần mềm Một cửa điện tử	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê:</li> <li>+ Tổng số hồ sơ TTHC tiếp nhận và xử lý trong năm (a)</li> <li>+ Tổng số hồ sơ TTHC được tiếp nhận và xử lý trên phần mềm (b)</li> <li>- Tính tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận và xử lý trên phần mềm Một cửa điện tử: <math>(b/a) \cdot 100</math></li> <li>+ Từ 90% số hồ sơ TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 2;</li> <li>+ Từ 70% - dưới 90% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>+ Từ 50% - dưới 70% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>+ Dưới 50% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	Báo cáo của cơ quan, đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (thống kê trên hệ thống phần mềm)
56.	TCTP 7.2.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn trên phần mềm Một cửa điện tử	<ul style="list-style-type: none"> <li>Yêu cầu: Tính tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn trên phần mềm Một cửa điện tử. Nếu:</li> <li>+ Từ 95% trở lên số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá là 1.5;</li> <li>+ Từ 75% - dưới 95% số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>+ Dưới 75% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	Báo cáo của cơ quan, đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (thống kê trên hệ thống phần mềm)
57.	TCTP 7.3.1 - Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phạm vi: Xác định theo tỷ lệ số lượng dịch vụ công cung cấp mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến so với tổng số Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đang cung cấp.</li> <li>- Thống kê:</li> <li>+ Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đang cung cấp (a)</li> <li>+ Tổng số dịch vụ công mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến (b)</li> <li>- Tính tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm: <math>(b/a) \cdot 100</math></li> <li>+ Từ 60% số hồ sơ TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 2;</li> <li>+ Từ 20% - dưới 60% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>+ Dưới 20% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	Báo cáo của cơ quan, đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (thống kê trên hệ thống phần mềm)
58.	TCTP 7.3.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phạm vi đánh giá: Chỉ thống kê, đánh giá đối với các TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3, có phát sinh hồ sơ trực tuyến.</li> </ul>	Báo cáo của cơ quan, đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	xử lý trực tuyến mức độ 03	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Tính tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 03.</li> <li>+ Từ 40% trở lên thì điểm đánh giá là 1.5;</li> <li>+ Từ 20% - dưới 40% thì điểm đánh giá được tính theo công thức:  <math display="block">\frac{\text{Tỷ lệ \%} \times 1.5}{40\%}</math> </li> <li>Ví dụ: Tỷ lệ % hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3 là 30% thì điểm đánh giá là <math>[30\% \times 1.5] / 40\% = 1.125</math> điểm</li> <li>+ Dưới 20% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	thông (thống kê trên hệ thống phần mềm)
59.	TCTP 7.3.3 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 04	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phạm vi đánh giá: Chỉ thống kê, đánh giá đối với các TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4, có phát sinh hồ sơ trực tuyến.</li> <li>- Yêu cầu: Tính tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 04:</li> <li>+ Từ 30% trở lên số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 1.5;</li> <li>+ Từ 10% - dưới 30% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức:  <math display="block">\frac{\text{Tỷ lệ \%} \times 1.5}{30\%}</math> </li> <li>Ví dụ: Tỷ lệ % hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4 là 20% thì điểm đánh giá là <math>[20\% \times 1.5] / 30\% = 1</math> điểm</li> <li>+ Dưới 10% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	Báo cáo của cơ quan, đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (thống kê trên hệ thống phần mềm)
60.	TCTP 7.4.1 - Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê:</li> <li>+ Tổng số TTHC đang cung cấp dịch vụ BCCI công ích (a)</li> <li>+ Tổng số TTHC có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI (b)</li> <li>- Tính tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI: <math>(b/a) \times 100</math></li> <li>+ Từ 50% số hồ sơ TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>+ Dưới 50% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	Báo cáo của cơ quan, đơn vị; báo cáo của Bru điện tỉnh Kiên Giang và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông
61.	TCTP 7.4.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phạm vi đánh giá: Chỉ thống kê, đánh giá đối với các TTHC đang cung cấp dịch vụ BCCI công ích có phát sinh hồ sơ tiếp nhận qua BCCI.</li> <li>- Thống kê:</li> <li>+ Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm của các TTHC nêu trên (cả tiếp nhận qua dịch vụ BCCI và qua hình thức khác) (a)</li> <li>+ Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI của các TTHC nêu</li> </ul>	Báo cáo của cơ quan, đơn vị; báo cáo của Bru điện tỉnh Kiên Giang và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>trên(b)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI: <math>(b/a)*100</math></li> <li>+ Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>+ Từ 10% - dưới 15% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0.25;</li> <li>+ Dưới 10% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	
62.	TCTP 7.4.3 - Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phạm vi đánh giá: Chỉ thống kê, đánh giá đối với các TTHC đang cung cấp dịch vụ BCCI công ích có phát sinh hồ sơ được trả qua BCCI.</li> <li>- Thống kê: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tổng số hồ sơ đã trả kết quả trong năm của các TTHC nêu trên (cả trả kết quả qua dịch vụ BCCI và qua hình thức khác) (a)</li> <li>+ Tổng số hồ sơ đã trả kết quả qua dịch vụ BCCI của các TTHC nêu trên (b)</li> </ul> </li> <li>- Tính tỷ lệ hồ sơ TTHC được trả kết quả qua dịch vụ BCCI: <math>(b/a)*100</math></li> <li>+ Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>+ Từ 10% - dưới 15% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0.25;</li> <li>+ Dưới 10% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	Báo cáo của cơ quan, đơn vị; báo cáo của Bureau điện tỉnh Kiên Giang và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông
63.	TC 8.1 - Xây dựng tài liệu HTQLCL và công bố phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	<p>Yêu cầu: Xây dựng tài liệu HTQLCL và công bố phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật các thay đổi của TTHC, VBQPPL liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào HTQLCL để áp dụng theo quy định (1,5 điểm)</li> <li>+ Cập nhật đầy đủ thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>+ Quyết định ban hành tài liệu HTQLCL để đưa vào áp dụng kịp thời thì điểm đánh giá là 0.5.</li> <li>- Công bố HTQLCL phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 (nếu có) thì điểm đánh giá là 0.5</li> <li>+ Có quyết định và bảng công bố thì điểm đánh giá là 0.25;</li> <li>+ Thông báo công bố gửi Sở KH&amp;CN thì điểm đánh giá là 0.25.</li> </ul> <p><i>(Chưa cập nhật hoặc cập nhật không đầy đủ để áp dụng thì không chấm điểm công bố phù hợp)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa cập nhật các thay đổi của TTHC, VBQPPL liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào HTQLCL để áp dụng theo quy định thì điểm đánh giá là 0</li> </ul> <p><i>Nếu TTHC, VBQPPL liên quan đến hoạt động xử lý công việc trong tài liệu</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy trình được xây dựng mới, ban hành lại; quy trình được sửa đổi, bổ sung.</li> <li>- Quyết định ban hành tài liệu HTQLCL</li> <li>- Quyết định công bố, Bản công bố, Thông báo công bố</li> </ul> <p>Kết quả theo dõi của Sở Khoa học và Công nghệ.</p>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
64.	TC 8.2 - Duy trì HTQLCL phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	<p><i>HTQLCL không có sự thay đổi thì điểm đánh giá là 2</i></p> <p>Yêu cầu: Duy trì HTQLCL phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015</p> <p>a) Mục tiêu chất lượng (MTCL) (0,5 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban hành MTCL và kế hoạch thực hiện MTCL thì điểm đánh giá là 0.25 (<i>MTCL và kế hoạch thực hiện MTCL ban hành sau quý I của năm kế hoạch thì điểm đánh giá là 0</i>)</li> <li>- Báo cáo thực hiện MTCL thì điểm đánh giá là 0.25</li> <li>- Không ban hành MTCL hay kế hoạch thực hiện MTCL thì điểm đánh giá là 0</li> </ul> <p>b) Thực hiện đánh giá nội bộ (ĐGNB)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- ĐGNB tất cả phạm vi áp dụng (01 điểm)</li> <li>+ Đảm bảo tính khách quan thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>+ Hồ sơ lưu đầy đủ: 0,5 điểm (thiếu 01 hồ sơ trừ 0.25 điểm).</li> <li>- ĐGNB chưa đầy đủ phạm vi áp dụng (0.5 điểm)</li> <li>+ Đảm bảo tính khách quan thì điểm đánh giá là 0.25;</li> <li>+ Hồ sơ lưu đầy đủ thì điểm đánh giá là 0.25.</li> <li>- Không thực hiện ĐGNB thì điểm đánh giá là 0 điểm</li> </ul> <p>c) <i>Thực hiện xem xét của lãnh đạo (XXLD): 0,5 điểm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét đầy đủ các nội dung (theo khoản 9.3.2 – Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015)</li> <li>+ Hồ sơ lưu đầy đủ thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>+ Hồ sơ chưa đầy đủ thì điểm đánh giá là 0.25;</li> <li>- Xem xét chưa đầy đủ các nội dung (thiếu không quá 02 nội dung).</li> <li>+ Hồ sơ lưu đầy đủ thì điểm đánh giá là 0.25;</li> <li>+ Hồ sơ chưa đầy đủ thì điểm đánh giá là 0.</li> <li>- Không thực hiện hoặc thực hiện xem xét thiếu hơn 02 nội dung thì điểm đánh giá là 0</li> </ul> <p>d) Thực hiện giải quyết TTHC phù hợp với quy trình ISO đã ban hành thì điểm đánh giá là 0.5</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- MTCL, Báo cáo thực hiện MTCL.</li> <li>- Bảng chứng của việc thực hiện ĐGNB là có phiếu ghi chép đánh giá của chuyên gia đánh giá. Bộ hồ sơ ĐGNB (Chương trình đánh giá, Kế hoạch đánh giá, Phiếu đánh giá, Báo cáo đánh giá tổng hợp).</li> <li>- Thông báo/Giấy mời họp xem xét của lãnh đạo, Biên bản họp XXLĐ.</li> <li>Báo cáo của cơ quan, đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Khoa học và Công nghệ.</li> </ul>
65.	TC 8.3 - Kiểm soát thông tin dạng văn bản	<p>Yêu cầu: Kiểm soát thông tin dạng văn bản. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh mục tài liệu được cập nhật đầy đủ thì điểm đánh giá là 0.25;</li> <li>- Danh mục hồ sơ được cập nhật đầy đủ thì điểm đánh giá là 0.25;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh mục tài liệu HTQLCL;</li> <li>- Danh mục tài liệu bên ngoài;</li> <li>- Danh mục hồ sơ.</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
66.	TC 8.4 - Báo cáo kết quả thực hiện ISO gửi sở Khoa học và Công nghệ đầy đủ, kịp thời	<p>- Không có danh mục tài liệu và danh mục hồ sơ thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>Yêu cầu: Báo cáo kết quả thực hiện ISO gửi sở Khoa học và Công nghệ đầy đủ, kịp thời.</p> <p>- Báo cáo đúng hạn (01 điểm)</p> <p>+ Số liệu báo cáo đầy đủ theo đề cương thì điểm đánh giá là 0.5;</p> <p>+ Tài liệu, hồ sơ kiểm chứng đầy đủ theo yêu cầu thì điểm đánh giá là 0.5.</p> <p>- Báo cáo trễ hạn (không quá 03 ngày) (0,5 điểm)</p> <p>+ Số liệu báo cáo đầy đủ theo đề cương thì điểm đánh giá là 0.25;</p> <p>+ Tài liệu, hồ sơ kiểm chứng đầy đủ theo yêu cầu thì điểm đánh giá là 0.25.</p> <p>Không báo cáo (hoặc có báo cáo nhưng không có tài liệu kiểm chứng) hay báo cáo trễ hạn quá 03 ngày thì điểm đánh giá là 0</p>	Báo cáo của cơ quan, đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Khoa học và Công nghệ.

76  
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
TỈNH NAM ĐỊNH

## Phụ lục 2

# HƯỚNG DẪN TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

(Kèm theo Công văn số ~~400~~ 400/SNV-CCHC&TCPCP ngày 23 /3/2022 của Giám đốc Sở Nội vụ)

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
1.	TC 1.1 - Thực hiện kế hoạch CCHC	Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt: - Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 3.0}{100\%}$ Ví dụ: Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch là 85% thì điểm đánh giá là $[85\% \times 3] / 100\% = 2.55$ điểm - Hoàn thành dưới 80% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0	- Kế hoạch CCHC năm; - Báo cáo CCHC năm; - TLKC khác nếu có.
2.	TC 1.2 - Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	Yêu cầu: Các báo cáo phải đáp ứng đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định. - Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định thì điểm đánh giá là 2 - Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo thì điểm đánh giá là 0	- Sở Nội vụ căn cứ vào Công văn số 435/SNV-CCHC&TCPCP ngày 20/4/2021 của Giám đốc Sở Nội vụ về việc xây dựng kế hoạch và thực hiện chế độ báo cáo CCHC năm 2021. Đồng thời tính thời gian các đơn vị gửi báo cáo qua Trang HSCV của tỉnh và chữ ký số trong báo cáo của các đơn vị. - Các báo cáo CCHC Quý I, 6 tháng, Quý III và báo cáo năm.
3.	TC 1.3.1 - Tỷ lệ phòng, ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc (nếu có) sở, ban, ngành tỉnh được kiểm tra trong năm	Tính tỷ lệ % giữa số phòng, ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc đơn vị được kiểm tra trong năm so với tổng số phòng, ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 30% trở lên thì điểm đánh giá là 1; - Từ 20% - dưới 30% thì điểm đánh giá là 0.5; - Dưới 20% thì điểm đánh giá là 0.	- Kế hoạch kiểm tra của đơn vị - Các thông báo kết luận kiểm tra.

2/

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
4.	TCTP 1.3.2 - Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê:</li> <li>+ Tổng số vấn đề phải xử lý (a);</li> <li>+ Số vấn đề đã hoàn thành việc xử lý (b);</li> <li>+ Số vấn đề đã xử lý nhưng chưa hoàn thành (c).</li> <li>- Trường hợp có vấn đề phát hiện phải xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức: <math display="block">(b/a)*2 + (c/a)*1</math></li> <li>- Trường hợp không có vấn đề phải xử lý sau kiểm tra (a = 0) thì điểm đánh giá là 2.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thông báo kết luận kiểm tra.</li> <li>- Các văn bản thể hiện nội dung đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra.</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
5.	TC 1.4 - Công tác tuyên truyền CCHC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu tuyên truyền CCHC cả 2 hình thức sau: (1) Tổ chức các hội nghị, tập huấn chuyên đề CCHC; (2) Đăng tải thông tin CCHC trên website của tỉnh hoặc của đơn vị thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Ngoài các hình thức trên, nếu tuyên truyền CCHC bằng ít nhất một trong số các hình thức khác, như: Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC; Tuyên truyền CCHC trên Đài PT-TH của tỉnh; Báo Kiên Giang thì điểm đánh giá được CỘNG THÊM 1 điểm;</li> <li>- Nếu không thực hiện nội dung nào trong các yêu cầu trên thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các báo cáo CCHC định kỳ;</li> <li>- Cung cấp các đường link tới tin, bài, hình ảnh đã tuyên truyền về CCHC trên website;</li> <li>- TLKC khác (nếu có)</li> </ul>
6.	TC 1.5 - Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các sáng kiến hoặc giải pháp, cách làm mới trong CCHC phải đáp ứng yêu cầu được UBND tỉnh phê duyệt hoặc được Tỉnh ủy cho phép thì điểm hoặc được Hội đồng sáng kiến tỉnh công nhận.</li> <li>- Nếu có từ 03 sáng kiến hoặc giải pháp mới trở lên thì điểm đánh giá là 2; có 02 sáng kiến hoặc giải pháp mới thì điểm đánh giá là 1.5; có 01 sáng kiến hoặc giải pháp mới thì điểm đánh giá là 1; không có sáng kiến hoặc giải pháp mới thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các văn bản phê duyệt triển khai các giải pháp mới trong thực hiện các nội dung CCHC;</li> <li>- Các văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).</li> <li>- TLKC khác nếu có.</li> </ul>
7.	TC 1.6 - Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	Không bắt buộc thực hiện tự chấm đối với tiêu chí này. Sở Nội vụ sẽ căn cứ vào Báo cáo của Tổ công tác 770 để chấm, cho điểm theo các thang điểm đã quy định.	Sở Nội vụ căn cứ vào báo cáo của Tổ 770
8.	TC 2.1 - Xây dựng VBQPPL trong năm theo thẩm quyền được giao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trong năm theo thẩm quyền được giao. Nếu:</li> <li>+ 100% VBQPPL xây dựng đúng tiến độ thì điểm đánh giá là 2;</li> <li>+ Từ 50% đến dưới 100% VBQPPL xây dựng đúng tiến độ thì điểm đánh giá là 1</li> </ul>	VBQPPL do UBND cấp huyện ban hành hoặc tham mưu HĐND cấp huyện ban hành.

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		+ Dưới 50% VBQPPL xây dựng đúng tiến độ thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp không được giao xây dựng văn bản QPPL thì điểm đánh giá là 2.	
9.	TC 2. 2 - Tham gia góp ý dự thảo VBQPPL của tỉnh do các sở, ban, ngành gửi đến	Yêu cầu: Tham gia góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh do các sở, ban, ngành gửi đến. Nếu: - Góp ý từ 80% đến 100% dự thảo VBQPPL thì điểm đánh giá là 2; - Góp ý từ 50% đến dưới 80% dự thảo VBQPPL thì điểm đánh giá là 1; - Góp ý dưới 50% dự thảo VBQPPL thì điểm đánh giá là 0.	Công văn góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, dự thảo Quyết định của UBND tỉnh.
10.	TC 2. 3 - Tham mưu xử lý VBQPPL trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị	Yêu cầu: Tham mưu xử lý văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị. Nếu: - Xử lý hoặc tham mưu xử lý kịp thời, đúng quy định 100% VBQPPL thì điểm đánh giá là 1; - Xử lý hoặc tham mưu xử lý dưới 100% VBQPPL thì điểm đánh giá là 0.	- Văn bản kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền. - Văn bản QPPL đã được ban hành để xử lý.
11.	TC 2.4 - Báo cáo công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL hằng năm	Yêu cầu: Báo cáo công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL hằng năm. Nếu: - Báo cáo đúng hạn và đầy đủ nội dung thì điểm đánh giá là 2; - Báo cáo trễ hạn hoặc không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ nội dung thì điểm đánh giá là 0.	Báo cáo công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL.
12.	TCTP 2.5.1 - Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	Yêu cầu: Các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật. Nếu: - Ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trước tháng 3 hàng năm thì điểm đánh giá là 1; - Ban hành sau tháng 2 hàng năm thì điểm đánh giá là 0.5; - Không ban hành thì điểm đánh giá là 0.	Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm (ban hành trước tháng 3 hàng năm)
13.	TCTP 2.5.2 - Thực hiện báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật	Yêu cầu: Thực hiện báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Nếu: - Đúng nội dung và đúng thời gian báo cáo hằng năm thì điểm đánh giá là 1; - Đúng nội dung và sau thời gian báo cáo hàng năm thì điểm đánh giá là 0.5; - Không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	Báo cáo kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật
14.	TCTP 2.5.3 - Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành	Yêu cầu: Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Nếu: - Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi	- Báo cáo kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	pháp luật	thi hành pháp luật theo thẩm quyền thì điểm đánh giá là 1; - Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo thẩm quyền thì điểm đánh giá là 0.	- Các văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật
15.	TC 3.1 - Kiểm soát quy định thủ tục hành chính	Yêu cầu: Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền. Nếu: - Không có TTHC ban hành trái thẩm quyền thì điểm đánh giá là <b>0.5</b> ; - Có TTHC ban hành trái thẩm quyền thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của đơn vị - Văn bản của cơ quan có thẩm quyền kết luận việc ban hành TTHC trái thẩm quyền (nếu có)
16.	TCTP 3.2.1 - Công khai TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại Bộ phận một cửa cấp huyện	Yêu cầu: Công khai TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại Bộ phận một cửa cấp huyện. Nếu: - Đầy đủ, kịp thời đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; - Không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của đơn vị
17.	TCTP 3.2.2 - Công khai TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	Yêu cầu: Công khai TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã. Nếu: - Đầy đủ, kịp thời đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; - Không quy định thì điểm đánh giá là 0.	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của đơn vị
18.	TCTP 3.2.3 - Công khai TTHC trên Trang TTĐT của địa phương	Yêu cầu: Công khai TTHC trên Trang TTĐT của địa phương. Nếu: - 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được công khai đầy đủ trên Trang TTĐT của địa phương thì điểm đánh giá là 1; - Dưới 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được công khai thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của đơn vị - Quyết định ban hành quy trình nội bộ giải quyết TTHC do sở, ban, ngành cung cấp
19.	TCTP 3.2.4 - Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên Trang TTĐT cấp huyện hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh	Yêu cầu: Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên Trang TTĐT cấp huyện hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh. Nếu: - 100% công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 2; - Dưới 100% công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của đơn vị - Kết quả kiểm tra trực tiếp trên website (nếu có)
20.	TCTP 3.3.1 - Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện và UBND cấp xã	Yêu cầu: Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện và UBND cấp xã (thống kê riêng số liệu của từng cấp). Nếu: - 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết thì điểm đánh giá là 2.5;	Báo cáo triển khai thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông của đơn vị (có thể lồng ghép vào báo cáo công tác kiểm soát TTHC)

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		- Dưới 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết thì điểm đánh giá là 0.	
21.	TCTP 3.3.2 - Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	Yêu cầu: Tính số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp. Nếu: - Từ 50 TTHC hoặc nhóm TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 1; - Từ 40 - 49 TTHC hoặc nhóm TTHC thì điểm đánh giá là 0.5; - Từ 30 - 39 TTHC hoặc nhóm TTHC thì điểm đánh giá là 0.25; - Dưới 30 TTHC hoặc nhóm TTHC thì điểm đánh giá là 0.	Báo cáo triển khai thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông của đơn vị (có thể lồng ghép vào báo cáo công tác kiểm soát TTHC)
22.	TCTP 3.3.3 - Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	Yêu cầu: Tính số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền. Nếu: - Từ 30 TTHC hoặc nhóm TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 1; - Từ 20 - 29 TTHC hoặc nhóm TTHC thì điểm đánh giá là 0.5; - Từ 10 - 19 TTHC hoặc nhóm TTHC thì điểm đánh giá là 0.25; - Dưới 10 TTHC hoặc nhóm TTHC thì điểm đánh giá là 0.	Báo cáo triển khai thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông của đơn vị (có thể lồng ghép vào báo cáo công tác kiểm soát TTHC)
23.	TCTP 3.4.1 - Thống kê riêng số liệu của UBND cấp huyện và UBND cấp xã	Yêu cầu: Thống kê riêng số liệu của UBND cấp huyện và UBND cấp xã. Nếu: Hồ sơ TTHC của UBND cấp huyện và cấp xã phải từ 95% - 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá là 3, nếu có 01 xã dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì 0 điểm.	Báo cáo triển khai thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông của đơn vị (có thể lồng ghép vào báo cáo công tác kiểm soát TTHC)
24.	TCTP 3.4.2 - Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	Yêu cầu: Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC. Nếu: - Đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là 2; - Không đầy đủ hoặc không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. Trường không có văn bản xin lỗi (do không có hồ sơ TTHC được giải quyết trễ hẹn) thì điểm đánh giá là 2.	- Báo cáo triển khai thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông của đơn vị (có thể lồng ghép vào báo cáo công tác kiểm soát TTHC) - Văn bản xin lỗi
25.	TCTP 3.5.1 - Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Yêu cầu: Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết. Nếu: - Tất cả kiến nghị đã được trả lời thì điểm đánh giá là 3; - Tất cả kiến nghị đang trả lời thì điểm đánh giá là 1; - Tất cả kiến nghị chưa trả lời thì điểm đánh giá là 0. Điểm đánh giá được tính theo công thức: $(b/a)*3 + (c/a)*1$	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của đơn vị - Văn bản trả lời PAKN do đơn vị cung cấp - Kết quả đánh giá theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh (do Văn phòng UBND tỉnh cung cấp).

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		Trong đó: a là tổng số kiến nghị phải trả lời. b là số kiến nghị đã được trả lời. c là số kiến nghị đang trả lời (có dự thảo). - Trường hợp không có PAKN (a = 0) thì điểm đánh giá là 3	- TLKC khác (nếu có)
26.	TCTP 3.5.2 - Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền	Yêu cầu: Công khai kết quả trả lời phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền. Nếu: - 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định thì điểm đánh giá là 2; - Dưới 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định thì điểm đánh giá là 0. Trường hợp trong năm đánh giá không có tiếp nhận PAKN thì điểm đánh giá là 2.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của đơn vị - TLKC khác (nếu có).
27.	TCTP 4.1.1 - Sắp xếp tổ chức bộ máy và quy định lại chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn theo hướng dẫn của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Nội vụ	Yêu cầu: Sắp xếp tổ chức bộ máy và quy định lại chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn theo quy định của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Nội vụ. Nếu: - 100% thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 2; - Dưới 100% thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Kèm Quyết định. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp).
28.	TCTP 4.1.2 - Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện theo Kế hoạch số 01/KH-UBND	Yêu cầu: Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện theo Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 04/01/2021 của UBND tỉnh. Nếu: - Thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 2; - Thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo thống kê về số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc UBND cấp huyện; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp).
29.	TCTP 4.1.3 - Sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập của cơ quan theo Kế hoạch số 01/KH-UBND	- Yêu cầu: Sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập của cơ quan theo Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 04/01/2021 của UBND tỉnh. Nếu: + Có triển khai thực hiện đúng nội dung của Kế hoạch (Đề án) thì điểm đánh giá là 1; + Có triển khai thực hiện (tự rà soát, số lượng người làm việc, số lượng cấp phó của đơn vị) thì điểm đánh giá là 0,5; + Không thực hiện thì điểm đánh giá là 0.	- Đề án gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định; - Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo liên quan; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp).

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		- Trường hợp cơ quan, đơn vị không có đơn vị SNCL thì chuyển TCTP này lên TCTP 4.1.2 (nếu TCTP 4.1.2 đạt điểm tối đa thì được hưởng trọn điểm của TCTP 4.1.3)	
30.	TCTP 4.2.1 - Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	Yêu cầu: Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính. Nếu: - Sử dụng biên chế công chức đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; - Không sử dụng biên chế công chức đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo CCHC năm của cơ quan, đơn vị hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá; - Quyết định của đơn vị về phân bổ biên chế cho các đơn vị trực thuộc. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp).
31.	TCTP 4.2.2 - Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của sở, ban, ngành tỉnh	Yêu cầu: Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của sở, ban, ngành tỉnh. Nếu: - Số người làm việc tại các đơn vị SNCL bố trí đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; - Không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo CCHC năm của cơ quan, đơn vị hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng số lượng người làm việc trong năm đánh giá; Quyết định của đơn vị về phân bổ biên chế cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp).
32.	TCTP 4.2.3 - Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015	Yêu cầu: Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015. Nếu: - Từ 10% trở lên thì điểm đánh giá là 1; - Dưới 10% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $[(\text{Tỷ lệ \% giảm biên chế} \times 1)/(10\%)]$ . Ví dụ: Trong năm đánh giá tỷ lệ giảm biên chế năm 2021 là 9% so với 2015 thì $9\% \times 1/10\% = 0.9$ điểm	Báo cáo CCHC năm của cơ quan, đơn vị hoặc báo cáo liên quan
33.	TCTP 4.3.1 - Thực hiện phân cấp quản lý do bộ quản lý ngành quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành	Yêu cầu: Thực hiện phân cấp quản lý do bộ quản lý ngành quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. Nếu: - Có tham mưu UBND tỉnh hoặc quyết định theo thẩm quyền, đúng quy định thì điểm đánh giá là 2; - Không tham mưu UBND tỉnh, hoặc quyết định theo thẩm quyền đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	Quyết định, văn bản về thực hiện phân cấp đã ban hành, Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra của cấp có thẩm quyền hoặc báo cáo kết quả tự kiểm tra của cơ quan, đơn vị
34.	TCTP 4.3.2 - Thực hiện đúng quy định về phân cấp quản lý	Yêu cầu: Thực hiện đúng quy định về phân cấp quản lý do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. Nếu:	Kế hoạch kiểm tra và báo cáo kết quả kiểm tra

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	
35.	TC 5.1 - Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt	<p>Yêu cầu: Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có xây dựng, bổ sung Đề án vị trí việc làm sau khi sắp xếp lại tổ chức bộ máy hành chính, sự nghiệp thì điểm đánh giá là 1.5;</li> <li>- 100% số phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Từ 80% - dưới 100% số phòng, ban và đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>- Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm của tỉnh;</li> <li>- Đề án xây dựng, bổ sung vị trí việc làm sau khi sắp xếp lại.</li> <li>- Báo cáo về cơ cấu ngạch, trình độ chuyên môn, chuyên ngành đào tạo của công chức hiện có mặt tại cơ quan, đơn vị so với khung năng lực của vị trí việc làm được cấp thẩm quyền phê duyệt để đánh giá đạt tỷ lệ %.</li> <li>- Báo cáo về cơ cấu chức danh nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, chuyên ngành đào tạo của viên chức hiện có mặt tại cơ quan, đơn vị so với khung năng lực vị trí việc làm được cấp thẩm quyền phê duyệt để đánh giá đạt tỷ lệ %.</li> </ul>
36.	TC 5.2 - Tuyển dụng viên chức	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) thuộc UBND cấp huyện. Nếu:</li> <li>+ 100% số đơn vị SNCL thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 1</li> <li>+ Dưới 100% số đơn vị thì điểm đánh giá là 0.</li> <li>- Trường hợp trong năm không tuyển dụng thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất.</li> <li>- Trường hợp UBND cấp huyện không có đơn vị sự nghiệp công lập thì chuyển lên TCTP 5.1.</li> </ul>	<p>Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thông báo tuyển dụng, quyết định thành lập hội đồng, quyết định thành lập các bộ phận giúp việc hội đồng, quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng,...) hoặc báo cáo kết quả tuyển dụng viên chức.</p>
37.	TC 5.3 - Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo, quản lý cấp phòng và đơn vị trực thuộc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo, quản lý cấp phòng và đơn vị trực thuộc. Nếu:</li> <li>+ 100% số lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc UBND cấp huyện được bổ nhiệm đúng quy định thì điểm đánh giá là 2.5;</li> <li>+ Dưới 100% số lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc UBND cấp huyện được bổ nhiệm đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> <li>- Trường hợp được bổ nhiệm từ những năm trước nhưng nếu phát hiện</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đánh giá kết quả việc bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý trong năm;</li> <li>- Danh sách trích ngang công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tương đương cấp phòng (trình độ, ngoại ngữ, tin học, chính trị, quản lý nhà nước</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		sai phạm trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0.	...). - Kết luận thanh tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp).
38.	TCTP 5.4.1 - Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	Yêu cầu: Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định. Nếu: - Thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 2; - Không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp).
39.	TCTP 5.4.2 - Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của công chức, viên chức	Yêu cầu: Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của công chức, viên chức. Nếu: - Không có công chức, viên chức bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì điểm đánh giá là 1; - Có công chức, viên chức bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo CCHC năm của cơ quan, đơn vị hoặc báo cáo về tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của công chức, viên chức trong năm; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp).
40.	TC 5.5 - Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Yêu cầu: Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Nếu: - Từ 80% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 2}{100\%} \right]$ Ví dụ: Tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch là 85% thì điểm đánh giá là $[85\% \times 2] / 100\% = 1.70$ điểm - Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.	Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị.
41.	TCTP 5.6.1 - Xây dựng danh mục và kế hoạch chuyển đổi	Yêu cầu: Có xây dựng danh mục và kế hoạch chuyển đổi theo Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ theo cầu của UBND tỉnh tại Công văn số 1312/UBND-NC ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh về việc xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng. Nếu: - Có xây dựng danh mục và kế hoạch thì điểm đánh giá là 1; - Không xây dựng thì điểm đánh giá là 0.	- Danh mục chuyển đổi; - Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác
42.	TCTP 5.6.2 - Tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển đổi	Yêu cầu: Việc tổ chức thực hiện chuyển đổi vị trí việc làm theo kế hoạch. Nếu: - Chuyển đổi đúng kế hoạch: 1; - Không chuyển đổi: 0.	

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		Trường hợp trong năm đánh giá không có người chuyển đổi trong danh mục được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì điểm đánh giá là 1 (phải có văn bản chứng minh)	
43.	TCTP 6.1.1 - Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước	<p>Yêu cầu: Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước</p> <p>Tính tỷ lệ % giữa số tiền NSNN đã giải ngân so với tổng số tiền NSNN phải giải ngân theo kế hoạch. Điểm đánh giá được tính theo công thức:</p> $\frac{\text{Tỷ lệ \% giải ngân KH đầu tư vốn NSNN} \times 2}{100\%}$ <p>Ví dụ: Tỷ lệ % hoàn thành giải ngân kế hoạch đầu tư NSNN là 85% thì điểm đánh giá là <math>[85\% \times 2] / 100\% = 1.70</math> điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách hằng năm của tỉnh.</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền tại tỉnh hoặc Bộ Tài chính (do Tài chính cung cấp).</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
44.	TCTP 6.1.2 - Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách:</li> <li>+ Thống kê tổng số tiền phải nộp NSNN đã được Kiểm toán Nhà nước, hoặc cơ quan có thẩm quyền chỉ ra sau thanh tra, kiểm tra về tài chính, ngân sách tại đơn vị trong 02 năm gần nhất.</li> <li>Ví dụ: Đánh giá cho năm 2021 thì thống kê tổng số các kiến nghị được chỉ ra từ kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước trong các năm 2020, 2021.</li> <li>+ Điểm đánh giá được tính theo công thức:</li> <math display="block">\frac{\text{Tỷ lệ \% số tiền nộp NSNN} \times 2}{100\%}</math> <li>Ví dụ: Tỷ lệ % số tiền nộp NSNN là 85% thì điểm đánh giá là <math>[85\% \times 2] / 100\% = 1.70</math> điểm</li> <li>- Trường hợp đơn vị trong 2 năm liền kề với năm đánh giá, chấm điểm CCHC không có kiểm toán hoặc thanh tra, kiểm tra, thì đơn vị phải có báo cáo tự kiểm tra và kết quả tự kiểm tra:</li> <li>+ Nếu kết luận không có sai phạm về tài chính thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>+ Nếu kết luận có sai phạm về tài chính thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo về việc thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của cơ quan, đơn vị. Đối với các cơ quan, đơn vị trong 2 năm liền kề không có cơ quan chức năng thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán thì phải có báo cáo kết quả tự kiểm tra của đơn vị.</li> <li>- Hồ sơ, tài liệu, chứng từ thể hiện số tiền đã nộp NSNN theo kiến nghị (nếu có nộp NSNN khắc phục sau kiểm tra).</li> <li>- Kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Tài chính (Kho bạc Nhà nước).</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
45.	TCTP 6.1.3 - Thực hiện quy định của UBND tỉnh về phân cấp quản lý tài sản công theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	<p>Yêu cầu: Thực hiện quy định của UBND tỉnh về phân cấp quản lý tài sản công theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ theo quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy chế quản lý sử dụng tài sản công của đơn vị và đơn vị trực thuộc;</li> <li>- Báo cáo tình hình sử dụng tài sản gửi về STC (Theo khoản 2 Điều 130 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
46.	TCTP 6.2.1 - Thực hiện quy định về kinh phí quản lý hành chính	<p>Yêu cầu: Thực hiện quy định về kinh phí quản lý hành chính. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đúng quy định, không sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Thực hiện có sai phạm theo quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<p>26/12/2017 của Chính phủ)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại đơn vị hoặc các báo cáo có thể hiện các nội dung theo yêu cầu của tiêu chí tính đến thời điểm đánh giá.</li> <li>- Kết luận của các cơ quan kiểm toán, thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền (nếu có) hoặc báo cáo tự kiểm tra.</li> <li>- Kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Tài chính.</li> <li>- TLKC khác (nếu có).</li> </ul>
47.	TCTP 6.2.2 - Công khai tài chính và kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị	<p>Yêu cầu: Công khai tài chính và kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công khai tài chính đúng, đầy đủ theo quy định thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Không thực hiện công khai tài chính hoặc công khai chưa đầy đủ theo quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<p>Công khai tài chính của đơn vị thực hiện theo: quy định của Bộ Tài chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- BC thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của năm đánh giá chấm điểm;</li> <li>- Công khai dự toán ngân sách của năm đánh giá chấm điểm;</li> <li>- Công khai quyết toán năm trước liền kề.</li> <li>- Công khai kết quả thực hiện dự toán trong năm chấm điểm: quý I, 6 tháng (quý II), quý III, quý IV (năm);</li> <li>- Lưu ý: tài liệu kiểm chứng phải có đầy đủ 7 BC nêu trên mới đạt điểm, thiếu bất kỳ 1 BC nào đều không đạt điểm ở TCTP này.</li> </ul>
48.	TCTP 6.3.1 - Số ĐVSNCL thực hiện đạt Kế hoạch được giao về khả năng nâng lên tính tự chủ	<p>Yêu cầu: Số đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đạt Kế hoạch được giao về khả năng nâng lên tính tự chủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phạm vi đánh giá: Cả 03 nhóm đơn vị SNCL thuộc UBND cấp tỉnh, thuộc CQCM cấp tỉnh.</li> <li>- Nếu trong năm đánh giá:</li> </ul> <p>+ CÓ THÊM từ 02 đơn vị SNCL trở lên được giao tự chủ ở mức cao</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định giao tự chủ của cơ quan thẩm quyền.</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của huyện hoặc có kết quả thực hiện nội dung theo yêu cầu của tiêu chí đến thời điểm đánh giá;</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>hơn so với năm trước liền kề (không tính các trường hợp giao lại): điểm đánh giá là 1;            + CÓ THÊM từ 01 đơn vị SNCL được giao tự chủ ở mức cao hơn so với năm trước liền kề (không tính các trường hợp giao lại) thì điểm đánh giá là 0.5;            + KHÔNG CÓ THÊM đơn vị nào được tăng loại hình thì điểm đánh giá là 0.</p>	
49.	TCTP 6.3.2 - Thực hiện quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các ĐVSNCL	<p>Yêu cầu: Thực hiện quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các ĐVSNCL.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phạm vi đánh giá: Cả 03 nhóm đơn vị SNCL thuộc UBND cấp huyện, thuộc CQCM cấp huyện.</li> <li>- Nếu KHÔNG CÓ SAI PHẠM được các cơ quan có thẩm quyền chỉ ra trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Nếu CÓ SAI PHẠM được cơ quan có thẩm quyền chỉ ra trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị hoặc các báo cáo có thể hiện các nội dung theo yêu cầu của tiêu chí tính đến thời điểm đánh giá;</li> <li>- Các kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền của Trung ương và địa phương;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính (nếu có);</li> <li>- TLKC khác nếu có.</li> </ul>
50.	TC 6.4 - Báo cáo tài chính công	<p>Yêu cầu: Báo cáo Tài chính công theo quy định. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đảm bảo số lượng và thời gian theo quy định (từng quý) thì điểm đánh giá là 1 ;</li> <li>- Không báo cáo hoặc báo cáo trễ (mỗi báo cáo trừ 0,25 điểm).</li> </ul>	<p>Báo cáo theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính gồm các mẫu (báo cáo thuộc niên độ kế toán năm trước liền kề):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu B01/BCTC: Báo cáo tình hình tài chính (năm);</li> <li>Hoặc Mẫu B05/BCTC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Năm) - Dành cho đơn vị lập báo cáo tài chính theo mẫu đơn giản;</li> <li>- Mẫu B02/BCTC: Báo cáo kết quả hoạt động (năm);</li> <li>- Mẫu B03a/BCTC: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm - Theo phương pháp trực tiếp;</li> <li>Hoặc Mẫu B03b/BCTC: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (năm) - Theo phương</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			pháp gián tiếp; - Mẫu B04/BCTC: Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/20xx.
51.	TC 6.5 - Thực hiện thu ngân sách hằng năm của huyện, thành phố theo kế hoạch được tỉnh giao	Yêu cầu: Thực hiện thu ngân sách hằng năm của huyện, thành phố theo kế hoạch được tỉnh giao. Nếu: - Thu ngân sách của huyện, thành phố trong năm đánh giá vượt chỉ tiêu được tỉnh giao từ 4% trở lên thì điểm đánh giá là 2; - Vượt chỉ tiêu được giao từ 2% - dưới 4% thì điểm đánh giá là 1; - Đạt hoặc vượt chỉ tiêu dưới 2% thì điểm đánh giá là 0.5; - Không hoàn thành chỉ tiêu được giao thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo kết quả thực hiện ngân sách nhà nước của huyện, thành phố. - TLKC khác nếu có.
52.	TCTP 7.1.1 - Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử	- Thống kê: + Tổng số văn bản đi (trừ văn bản mật) (a) + Tổng số văn bản đi được gửi dưới dạng điện tử (b) - Tính tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử: $(b/a) \cdot 100$ + Từ 90% trở lên thì điểm đánh giá là 2; + Từ 60% - dưới 90% thì điểm đánh giá là 1; + Dưới 60% thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo của cơ quan, đơn vị; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (do Sở Thông tin và Truyền thông).
53.	TCTP 7.1.2 - Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng	- Thống kê: + Tổng số văn bản đến (trừ văn bản mật) (a) + Tổng số văn bản đến được luân chuyển, xử lý trên môi trường mạng (b) - Tính tỷ lệ % giữa số văn bản, hồ sơ công việc thực hiện trên môi trường mạng và tổng số văn bản, hồ sơ công việc của đơn vị trong năm đánh giá: $(b/a) \cdot 100$ + Từ 80% trở lên thì điểm đánh giá là 2; + Từ 60% đến dưới 80% thì điểm đánh giá là 1; + Dưới 60% thì điểm đánh giá là 0.	Báo cáo của cơ quan, đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông
54.	TCTP 7.1.3 - Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	Yêu cầu: Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị. Trang thông tin điện tử có đăng tải tin bài với tần suất ít nhất 1 tin/tuần được xem là thường xuyên (không bao gồm việc đăng tải các văn bản). Nếu: + Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị được duy trì, cập nhật	Báo cáo CCHC và đường link đã cung cấp tin bài của đơn vị; kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		thường xuyên, đầy đủ các thông tin theo quy định thì điểm đánh giá là 1; + Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị không duy trì, cập nhật đầy đủ các thông tin theo quy định thì điểm đánh giá là 0.	
55.	TCTP 7.2.1 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận và xử lý trên phần mềm Một cửa điện tử	- Thống kê: + Tổng số hồ sơ TTHC tiếp nhận và xử lý trong năm (a) + Tổng số hồ sơ TTHC được tiếp nhận và xử lý trên phần mềm (b) - Tính tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận và xử lý trên phần mềm Một cửa điện tử: $(b/a) \cdot 100$ + Từ 80% trở lên thì điểm đánh giá là 2; + Từ 60% đến dưới 80% thì điểm đánh giá là 1; + Từ 50% đến dưới 60% thì điểm đánh giá là 0.5; + Dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.	Báo cáo của cơ quan, đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (thống kê trên hệ thống phần mềm)
56.	TCTP 7.2.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn trên phần mềm Một cửa điện tử	Yêu cầu: Tính tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn trên phần mềm Một cửa điện tử. Nếu: + Từ 90% trở lên thì điểm đánh giá là 1.5; + Từ 70% đến dưới 90% thì điểm đánh giá là 1; + Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.	Báo cáo của cơ quan, đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (thống kê trên hệ thống phần mềm)
57.	TCTP 7.3.1 - Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	- Phạm vi: Xác định theo tỷ lệ số lượng dịch vụ công cung cấp mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến so với tổng số Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đang cung cấp. - Thống kê: + Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đang cung cấp (a) + Tổng số dịch vụ công mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến (b) - Tính tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm: $(b/a) \cdot 100$ + Từ 40% trở lên thì điểm đánh giá là 2; + Từ 20% đến dưới 40% thì điểm đánh giá là 1; + Dưới 20% thì điểm đánh giá là 0.	Báo cáo của cơ quan, đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (thống kê trên hệ thống phần mềm)
58.	TCTP 7.3.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 03	- Phạm vi đánh giá: Chỉ thống kê, đánh giá đối với các TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3, có phát sinh hồ sơ trực tuyến. - Yêu cầu: Tính tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 03. + Từ 30% trở lên thì điểm đánh giá là 1.5; + Từ 20% - dưới 30% thì điểm đánh giá được tính theo công thức:	Báo cáo của cơ quan, đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (thống kê trên hệ thống phần mềm)

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		$\frac{\text{Tỷ lệ \%} \times 1.5}{30\%}$ <p>Ví dụ: Tỷ lệ % hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3 là 25% thì điểm đánh giá là <math>[25\% \times 1.5] / 30\% = 1.25</math> điểm  + Dưới 20% thì điểm đánh giá là 0</p>	
59.	TCTP 7.3.3 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 04	<p>- Phạm vi đánh giá: Chỉ thống kê, đánh giá đối với các TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4, có phát sinh hồ sơ trực tuyến.  - Yêu cầu: Tính tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 04  + Từ 20% trở lên số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 1.5  + Từ 10% - dưới 20% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</p> $\frac{\text{Tỷ lệ \%} \times 1.5}{20\%}$ <p>Ví dụ: Tỷ lệ % hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4 là 15% thì điểm đánh giá là <math>[15\% \times 1.5] / 20\% = 1.125</math> điểm  + Dưới 10% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0.</p>	Báo cáo của cơ quan, đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (thống kê trên hệ thống phần mềm)
60.	TCTP 7.4.1 - Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả	<p>- Thống kê:  + Tổng số TTHC đang cung cấp dịch vụ BCCI công ích (a)  + Tổng số TTHC có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI (b)  - Tính tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI: <math>(b/a) \times 100</math>  + Từ 50% số hồ sơ TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 0.5;  + Dưới 50% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0.</p>	Báo cáo của cơ quan, đơn vị; báo cáo của Bureau điện tỉnh Kiên Giang và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông
61.	TCTP 7.4.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	<p>- Phạm vi đánh giá: Chỉ thống kê, đánh giá đối với các TTHC đang cung cấp dịch vụ BCCI công ích có phát sinh hồ sơ tiếp nhận qua BCCI.  - Thống kê:  + Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm của các TTHC nêu trên (cả tiếp nhận qua dịch vụ BCCI và qua hình thức khác) (a)  + Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI của các TTHC nêu trên (b)  - Tính tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI: <math>(b/a) \times 100</math></p>	Báo cáo của cơ quan, đơn vị; báo cáo của Bureau điện tỉnh Kiên Giang và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>+ Từ 10% - dưới 15% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0.25;</li> <li>+ Dưới 10% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	
62.	TCTP 7.4.3 - Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phạm vi đánh giá: Chỉ thống kê, đánh giá đối với các TTHC đang cung cấp dịch vụ BCCI công ích có phát sinh hồ sơ được trả qua BCCI.</li> <li>- Thống kê:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tổng số hồ sơ đã trả kết quả trong năm của các TTHC nêu trên (cả trả kết quả qua dịch vụ BCCI và qua hình thức khác) (a)</li> <li>+ Tổng số hồ sơ đã trả kết quả qua dịch vụ BCCI của các TTHC nêu trên (b)</li> </ul> </li> <li>- Tính tỷ lệ hồ sơ TTHC được trả kết quả qua dịch vụ BCCI: <math>(b/a) \cdot 100</math></li> <li>+ Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>+ Từ 10% - dưới 15% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0.25;</li> <li>+ Dưới 10% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	Báo cáo của cơ quan, đơn vị; báo cáo của Bureau điện tỉnh Kiên Giang và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông
63.	TC 8.1 - Xây dựng tài liệu HTQLCL và công bố phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	<p>Yêu cầu: Xây dựng tài liệu HTQLCL và công bố phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật các thay đổi của TTHC, VBQPPL liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào HTQLCL để áp dụng theo quy định (1,5 điểm)</li> <li>+ Cập nhật đầy đủ thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>+ Quyết định ban hành tài liệu HTQLCL để đưa vào áp dụng kịp thời thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>- Công bố HTQLCL phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 (nếu có) (0,5 điểm)</li> <li>+ Có quyết định và bảng công bố thì điểm đánh giá là 0.25;</li> <li>+ Thông báo công bố gửi Sở KH&amp;CN thì điểm đánh giá là 0.25;</li> </ul> <p><i>(Chưa cập nhật hoặc cập nhật không đầy đủ để áp dụng thì không chấm điểm công bố phù hợp)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa cập nhật các thay đổi của TTHC, VBQPPL liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào HTQLCL để áp dụng theo quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul> <p>Nếu TTHC, VBQPPL liên quan đến hoạt động xử lý công việc trong tài liệu HTQLCL không có sự thay đổi thì điểm đánh giá là 1.5</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy trình được xây dựng mới, ban hành lại; quy trình được sửa đổi, bổ sung.</li> <li>- Quyết định ban hành tài liệu HTQLCL</li> <li>- Quyết định công bố, Bản công bố, Thông báo công bố</li> </ul> <p>Kết quả theo dõi của Sở Khoa học và Công nghệ.</p>
64.	TC 8.2 - Duy trì HTQLCL	Duy trì HTQLCL phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	- MTCL, Báo cáo thực hiện MTCL.

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	<p>a) Mục tiêu chất lượng (MTCL) (0,5 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban hành MTCL và kế hoạch thực hiện MTCL thì điểm đánh giá là 0.25 (MTCL và kế hoạch thực hiện MTCL ban hành sau quý I của năm kế hoạch: 0 điểm)</li> <li>+ Báo cáo thực hiện MTCL thì điểm đánh giá là 0.25;</li> <li>+ Không ban hành MTCL hay kế hoạch thực hiện MTCL thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul> <p>b) Thực hiện đánh giá nội bộ (ĐGNB)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- ĐGNB tất cả phạm vi áp dụng (01 điểm)</li> <li>+ Đảm bảo tính khách quan thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>+ Hồ sơ lưu đầy đủ thì điểm đánh giá là 0.5 (thiếu 01 hồ sơ trừ 0.25 điểm).</li> <li>- ĐGNB chưa đầy đủ phạm vi áp dụng (0,5 điểm)</li> <li>+ Đảm bảo tính khách quan thì điểm đánh giá là 0.25;</li> <li>+ Hồ sơ lưu đầy đủ thì điểm đánh giá là 0.25.</li> <li>- Không thực hiện ĐGNB thì điểm đánh giá là 0 điểm</li> </ul> <p>c) Thực hiện xem xét của lãnh đạo (XXLD): 0.5 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét đầy đủ các nội dung (theo Khoản 9.3.2 – Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015)</li> <li>+ Hồ sơ lưu đầy đủ thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>+ Hồ sơ chưa đầy đủ thì điểm đánh giá là 0.25.</li> <li>- Xem xét chưa đầy đủ các nội dung (thiếu không quá 02 nội dung).</li> <li>+ Hồ sơ lưu đầy đủ thì điểm đánh giá là 0.25;</li> <li>+ Hồ sơ chưa đầy đủ thì điểm đánh giá là 0.</li> <li>- Không thực hiện hoặc thực hiện xem xét thiếu hơn 02 nội dung thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul> <p>d) Thực hiện giải quyết TTHC phù hợp với quy trình ISO đã ban hành thì điểm đánh giá là 0.5</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bằng chứng của việc thực hiện ĐGNB là có phiếu ghi chép đánh giá của chuyên gia đánh giá. Bộ hồ sơ ĐGNB (Chương trình đánh giá, Kế hoạch đánh giá, Phiếu đánh giá, Báo cáo đánh giá tổng hợp).</li> <li>- Thông báo/Giấy mời họp xem xét của lãnh đạo, Biên bản họp XXLĐ.</li> <li>Báo cáo của cơ quan, đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Khoa học và Công nghệ.</li> </ul>
65.	TC 8.3 - Kiểm soát thông tin dạng văn bản	Yêu cầu: Kiểm soát thông tin dạng văn bản. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh mục tài liệu được cập nhật đầy đủ thì điểm đánh giá là 0.25;</li> <li>- Danh mục hồ sơ được cập nhật đầy đủ thì điểm đánh giá là 0.25;</li> <li>- Không có danh mục tài liệu và danh mục hồ sơ thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh mục tài liệu HTQLCL;</li> <li>- Danh mục tài liệu bên ngoài;</li> <li>- Danh mục hồ sơ.</li> </ul>
66.	TC 8.4 - Báo cáo kết quả thực	Yêu cầu: Báo cáo kết quả thực hiện ISO gửi sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo của cơ quan, đơn vị và kết quả

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	hiện ISO gửi sở Khoa học và Công nghệ đầy đủ, kịp thời	<p>đầy đủ, kịp thời.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đúng hạn (01 điểm)</li> <li>+ Số liệu báo cáo đầy đủ theo đề cương thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>+ Tài liệu, hồ sơ kiểm chứng đầy đủ theo yêu cầu thì điểm đánh giá là 0.5 .</li> <li>- Báo cáo trễ hạn (không quá 03 ngày) (0,5 điểm)</li> <li>+ Số liệu báo cáo đầy đủ theo đề cương thì điểm đánh giá là 0.25;</li> <li>+ Tài liệu, hồ sơ kiểm chứng đầy đủ theo yêu cầu thì điểm đánh giá là 0.25.</li> </ul> <p>Không báo cáo (hoặc có báo cáo nhưng không có tài liệu kiểm chứng) hay báo cáo trễ hạn quá 03 ngày thì điểm đánh giá là 0.</p>	theo dõi, kiểm tra của Sở Khoa học và Công nghệ.

**Phụ lục 3**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**  
(Kèm theo Công văn số 400/SNV-CCHC&TCPCP ngày 23/3/2022 của Giám đốc Sở Nội vụ)

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
1.	TCTP 1.1.1 - Thời gian ban hành kế hoạch và chất lượng của kế hoạch CCHC	Yêu cầu: Thời gian ban hành kế hoạch (trong tháng 01 của năm ban hành kế hoạch) và chất lượng của kế hoạch CCHC. Nếu: - Ban hành kịp thời và đạt yêu cầu thì điểm đánh giá là 2; - Ban hành không kịp thời hoặc không đạt yêu cầu thì điểm đánh giá là 0.	- Kế hoạch CCHC năm; - Báo cáo CCHC năm; - TLKC khác nếu có.
2.	TCTP 1.1.2 - Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	Yêu cầu: Tính mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC (các văn bản chỉ đạo, điều hành). Nếu: - Đạt 100% số nhiệm vụ thì điểm đánh giá là 3 - Từ 80% - 100% số nhiệm vụ thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 3.0}{100\%} \right]$ Ví dụ: Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch là 85% thì điểm đánh giá là $[85\% \times 3] / 100\% = 2.55$ điểm - Dưới 80% số nhiệm vụ thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo CCHC năm; - TLKC khác nếu có.
3.	TCTP 1.2.1 - Báo cáo định kỳ	Yêu cầu: Thực hiện tốt các báo cáo định kỳ. Nếu: - Đủ số lượng, nội dung và đúng thời gian thì điểm đánh giá là 2; - Thiếu 01 báo cáo hoặc không đáp ứng yêu cầu về số lượng, nội dung và thời gian thì điểm đánh giá là 0.	- Theo quy định của Phòng Nội vụ của huyện, thành phố - Các báo cáo CCHC Quý I, 6 tháng, Quý III và báo cáo năm.
4.	TCTP 1.2.2 - Báo cáo chuyên đề hoặc đột xuất đầy đủ	- Yêu cầu: Thực hiện tốt các báo cáo chuyên đề hoặc đột xuất đầy đủ. Nếu: + Đủ số lượng, nội dung và đúng thời gian thì điểm đánh giá là 2; + Thiếu hoặc không báo cáo thì cứ 01 báo cáo trừ 0,5; - Trường hợp trong năm không yêu cầu báo cáo thì điểm đánh giá là 2.	Các báo cáo đột xuất hoặc chuyên đề do Phòng Nội vụ yêu cầu (nếu có)
5.	TCTP 1.3.1 - Thông tin, tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật của	Yêu cầu: Thông tin, tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các hoạt động CCHC trên "Hệ thống cụm loa cơ sở". Nếu: - Thực hiện thường xuyên thì điểm đánh giá là 1;	- Kế hoạch tuyên truyền năm - Báo cáo CCH năm - TLKC khác (nếu có)



STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	Nhà nước và các hoạt động CCHC	- Thực hiện không thường xuyên hoặc không thực hiện thì điểm đánh giá là 0.	
6.	TCTP 1.3.2 - Niêm yết văn bản về chủ trương, chính sách, quy định mới của Nhà nước tại trụ sở	Yêu cầu: Niêm yết văn bản về chủ trương, chính sách, quy định mới của Nhà nước tại trụ sở cơ quan, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã và đảm bảo vẽ mỹ quan, dễ tra cứu. Nếu: - Thực hiện thường xuyên thì điểm đánh giá là 2; - Thực hiện không thường xuyên hoặc không thực hiện thì điểm đánh giá là 0.	- Kế hoạch tuyên truyền năm - Báo cáo CCH năm - TLKC khác (nếu có)
7.	TC 1.4 - Thực hiện nhiệm vụ do UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện giao	Thực hiện nhiệm vụ do UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện giao. Không bắt buộc thực hiện tự chấm đối với tiêu chí này. Phòng Nội vụ sẽ căn cứ vào Báo cáo của Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện để chấm, cho điểm theo các thang điểm đã quy định.	Báo cáo của Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện
8.	TC 1.5 - Sáng kiến trong cải cách hành chính	Sáng kiến trong cải cách hành chính - Có đăng ký hưởng ứng thi đua chuyên đề hàng năm về công tác CCHC: 1 - Các sáng kiến hoặc giải pháp, cách làm mới trong CCHC phải đáp ứng yêu cầu sau: được UBND cấp huyện phê duyệt hoặc được Huyện ủy hoặc Thành ủy cho phép thí điểm hoặc được Hội đồng sáng kiến cấp huyện công nhận. + Nếu có sáng kiến hoặc giải pháp mới thì điểm đánh giá là 1; + Không có sáng kiến hoặc giải pháp mới thì điểm đánh giá là 0.	- Các văn bản được Huyện ủy hoặc Thành ủy phê duyệt triển khai thực hiện các nội dung CCHC; - Các văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền (nếu có). - TLKC khác nếu có.
9.	2.1 - Tổ chức triển khai thực hiện VBQPPL	Yêu cầu: Tổ chức triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật. Nếu: - 100% VBQPPL của trung ương và của tỉnh ban hành được tổ chức triển khai thì điểm đánh giá là 2; - Từ 50% đến dưới 100% VBQPPL của Trung ương và của tỉnh ban hành được tổ chức triển khai thì điểm đánh giá là 1; - Dưới 50% VBQPPL của trung ương và của tỉnh ban hành được tổ chức triển khai thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo kết quả triển khai thực hiện VBQPPL của Trung ương và của tỉnh ban hành, nêu trong Báo cáo cải cách hành chính hàng năm, mục cải cách thể chế. - Danh mục các VBQPPL của Trung ương và của tỉnh đã được triển khai.
10.	TC 2.2 - Báo cáo công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ	Yêu cầu: Báo cáo công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật hàng năm. Nếu:	Báo cáo công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	thống hóa VBQPPL hằng năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đúng hạn và đầy đủ nội dung thì điểm đánh giá là 3;</li> <li>- Báo cáo trễ hạn hoặc không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ nội dung thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	
11.	TC 2.3 - Xử lý kết quả rà soát VBQPPL	<p>Yêu cầu: Xử lý kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số VBQPPL qua rà soát đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý điểm đánh giá là 2;</li> <li>- Dưới 100% số VBQPPL qua rà soát đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL.</li> <li>- Các văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý.</li> </ul>
12.	TCTP 2.4.1 - Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	<p>Yêu cầu: Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trước tháng 3 hằng năm thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Ban hành sau tháng 2 hàng năm thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>- Không ban hành thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm (ban hành trước tháng 3 hàng năm)
13.	TCTP 2.4.2 - Thực hiện báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật	<p>Yêu cầu: Thực hiện báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đúng nội dung và đúng thời gian báo cáo hàng năm thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Đúng nội dung và sau thời gian báo cáo hàng năm thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>- Không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	Báo cáo kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật
14.	TCTP 2.4.3 - Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật	<p>Yêu cầu: Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo thẩm quyền thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo thẩm quyền thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật;</li> <li>- Các văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật</li> </ul>
15.	TC 3.1 - Kiểm soát quy định thủ tục hành chính	<p>Yêu cầu: Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có TTHC ban hành trái thẩm quyền thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>- Có TTHC ban hành trái thẩm quyền thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của đơn vị;</li> <li>- Các văn bản xử lý các vấn đề các vấn đề phát hiện qua rà soát;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện (do</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện cung cấp).
16.	TC 3.2 - Công khai thủ tục hành chính và kết quả giải quyết hồ sơ	Yêu cầu: Tính tỷ lệ UBND cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC. Nếu: - 100% số TTHC thì điểm đánh giá là 3; - Từ 85% - dưới 100% số TTHC thì điểm đánh giá là 2; - Từ 70% - dưới 85% số TTHC thì điểm đánh giá là 1; - Dưới 70% số TTHC thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện (do Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện cung cấp).
17.	TCTP 3.3.1 - Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	Yêu cầu: Tính tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa. Nếu: - 100% số TTHC thì điểm đánh giá là 1.5; - Dưới 100% số TTHC thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo triển khai thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông của đơn vị (có thể lồng ghép vào báo cáo công tác kiểm soát TTHC) - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện (do Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện cung cấp).
18.	TCTP 3.3.2 - Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	Yêu cầu: Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp. Nếu: - Từ 05 số TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 2; - Dưới 05 số TTHC thì điểm đánh giá là 0; <b>Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chưa công bố số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp thì điểm đánh giá 2</b>	- Báo cáo triển khai thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông của đơn vị; - Danh mục TTHC/nhóm TTHC liên thông, chỉ rõ nơi tiếp nhận, trả kết quả và cơ quan tham gia giải quyết đối với từng TTHC/nhóm TTHC liên thông ( <i>chỉ cần file word</i> ) - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện (do Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện cung cấp).
19.	TCTP 3.3.3 - Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên	Yêu cầu: Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa cấp xã với cấp huyện. Nếu: - Từ 20 số TTHC thì điểm đánh giá là 2;	- Báo cáo triển khai thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông của đơn vị;

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	thông giữa cấp xã với cấp huyện	- Dưới 20 số TTHC thì điểm đánh giá là 0. <b>Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chưa công bố số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa cấp xã với cấp huyện thì điểm đánh giá 2</b>	- Danh mục TTHC/nhóm TTHC liên thông, chỉ rõ nơi tiếp nhận, trả kết quả và cơ quan tham gia giải quyết đối với từng TTHC/nhóm TTHC liên thông ( <i>chỉ cần file word</i> ) - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện (do Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện cung cấp).
20.	TCTP 3.4.1 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Yêu cầu: Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn. Nếu: - Từ 95% - 100% số TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ đúng hạn} \times 2}{100\%} \right]$ Ví dụ: Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn là 97% thì điểm đánh giá là $[97\% \times 2] / 100\% = 1.94$ điểm - Dưới 95% số TTHC thì điểm đánh giá là 0	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của đơn vị; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của VP HĐND và UBND cấp huyện (do Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện).
21.	TCTP 3.4.2 - Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức	- Yêu cầu: Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC. Nếu: + Thực hiện đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là 2; + Thực hiện không đầy đủ hoặc không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp không có hồ sơ TTHC giải quyết trễ hẹn trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 2	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của đơn vị; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của VP HĐND và UBND cấp huyện (do Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện). - Văn bản xin lỗi
22.	TCTP 3.5.1 - Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	Yêu cầu: Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã. Nếu: - Thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 2; - Thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của đơn vị; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của VP HĐND và UBND cấp huyện (do Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện).
23.	TCTP 3.5.2 - Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với	- Yêu cầu: Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã. Nếu:	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của đơn vị;

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	+ 100% số vấn đề thi điểm đánh giá là 2; + Từ 90% - dưới 100% số vấn đề thi điểm đánh giá là 1; + Dưới 90% số vấn đề thi điểm đánh giá là 0 - Trường hợp trong năm đánh giá không có kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị thi điểm đánh giá là 2.	- Kết quả theo dõi, kiểm tra của VP HĐND-UBND cấp huyện (do Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện cung cấp).
24.	TC 4.1 - Cơ cấu tổ chức của HĐND đúng quy định	Yêu cầu: Cơ cấu tổ chức của HĐND đúng quy định. Nếu: - Cơ cấu tổ chức đúng thì điểm đánh giá là 2; - Cơ cấu không đúng thì điểm đánh giá là 0.	Danh sách trích ngang của Thường trực HĐND
25.	TC 4.2 - Cơ cấu tổ chức của UBND đúng quy định	Yêu cầu: Cơ cấu tổ chức của UBND đúng quy định. Nếu: - Cơ cấu tổ chức đúng thì điểm đánh giá là 2; - Cơ cấu không đúng thì điểm đánh giá là 0.	Danh sách Cơ cấu tổ chức của UBND
26.	TC 4.3 – UBND cấp xã ban hành quy chế đúng quy định	Yêu cầu: UBND cấp xã ban hành quy chế đúng quy định. Nếu: - Có ban hành quy chế đúng quy định thì điểm đánh giá là 2; - Ban hành không đúng thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo CCHC năm của UBND cấp xã; - Quy chế, báo cáo của UBND cấp xã và kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ
27.	TC 4.4 - Bố trí công chức xã đúng quy định	Yêu cầu: Bố trí công chức xã đúng quy định. Nếu: - Bố trí đúng thì điểm đánh giá là 2; - Bố trí không đúng thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo CCHC năm của UBND cấp xã; - Quy chế, báo cáo của UBND cấp xã và kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ
28.	TC 5.1 - Tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện tổ chức	Tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện tổ chức - Cử CBCC tham dự đầy đủ, đúng đối tượng thì điểm đánh giá là 1; - Cử CBCC tham dự không đầy đủ hoặc không đúng đối tượng thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo CCHC năm UBND cấp xã; - Quy chế, báo cáo của UBND cấp xã và kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ cấp huyện.
29.	TC 5.2 - Công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định	Công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định - 100% số công chức đạt chuẩn thì điểm đánh giá là 2; - Dưới 100% số công chức đạt chuẩn thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo CCHC năm UBND cấp xã; - Quy chế, báo cáo của UBND cấp xã và kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ cấp huyện.

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
30.	TC 5.3 - Cán bộ trong cơ quan chính quyền đạt chuẩn theo quy định	Yêu cầu: Cán bộ trong cơ quan chính quyền đạt chuẩn theo quy định. Nếu: - 100% số cán bộ đạt chuẩn thì điểm đánh giá là 2; - Từ 70% - dưới 100% số cán bộ đạt chuẩn thì điểm đánh giá là 1; - Dưới 70% số cán bộ đạt chuẩn thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo CCHC năm UBND cấp xã; - Quy chế, báo cáo của UBND cấp xã và kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ cấp huyện.
31.	TC 5.4 - Lưu hồ sơ cán bộ, công chức cấp xã đúng theo quy định	Yêu cầu: Lưu hồ sơ cán bộ, công chức cấp xã đúng theo quy định. Nếu: - Đúng quy định thì điểm đánh giá là 2; - Không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo CCHC năm UBND cấp xã; - Quy chế, báo cáo của UBND cấp xã và kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ cấp huyện.
32.	TC 5.5 - Kết quả đánh giá cán bộ, công chức hằng năm	Yêu cầu: Kết quả đánh giá cán bộ, công chức hằng năm. Nếu: - 100% số cán bộ, công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ thì điểm đánh giá là 1; - Từ 80% - dưới 100% số cán bộ, công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ thì điểm đánh giá là 0.5; - Dưới 80% số cán bộ, công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo CCHC năm UBND cấp xã; - Quy chế, báo cáo của UBND cấp xã và kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ cấp huyện.
33.	TC 5.6 - Không có cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật	Yêu cầu: Không có cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật. Nếu: - Trường hợp có cán bộ, công chức bị kỷ luật thì trừ 0.5 điểm/cán bộ, công chức; - Trường hợp có cán bộ, công chức là lãnh đạo cấp ủy, HĐND, UBND bị kỷ luật thì trừ 1 điểm/cán bộ, công chức.	- Báo cáo CCHC năm UBND cấp xã; - Quy chế, báo cáo của UBND cấp xã và kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ cấp huyện.
34.	TCTP 5.7.1 - Lập danh mục chuyển đổi vị trí công tác và gửi về UBND cấp huyện	Yêu cầu: Lập danh mục chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ theo cầu của UBND tỉnh tại Công văn số 1312/UBND-NC ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh về việc xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng và gửi về UBND cấp huyện. Nếu: - Có lập danh mục thì điểm đánh giá là 0.5; - Có xây dựng kế hoạch thì điểm đánh giá là 0.5; - Không lập danh mục và kế hoạch thì điểm đánh giá là 0.	- Danh mục chuyển đổi vị trí công tác; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ
35.	TCTP 5.7.2 - Tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển đổi	Yêu cầu: Tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển đổi. Nếu: - Thực hiện đúng kế hoạch thì điểm đánh giá là 1;	Báo cáo của UBND cấp xã và kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		- Chưa thực hiện kế hoạch thì điểm đánh giá là 0.	
36.	TCTP 5.8.1 - Công khai số điện thoại đường dây nóng, hộp thư điện tử của Thủ trưởng đơn vị để tiếp nhận và xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức	Yêu cầu: Công khai số điện thoại đường dây nóng, hộp thư điện tử của Thủ trưởng đơn vị để tiếp nhận và xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức. Nếu: - Công khai đầy đủ thì điểm đánh giá là 2; - Công khai chưa đầy đủ thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo CCHC năm UBND cấp xã; - Quy chế, báo cáo của UBND cấp xã và kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ cấp huyện.
37.	TCTP 5.8.2 - Kiểm soát tình trạng CBCC gây phiền hà người dân	Yêu cầu: Kiểm soát tình trạng CBCC gây phiền hà người dân. Nếu: - Không có CBCC vi phạm thì điểm đánh giá là 2; - Có CBCC vi phạm và xử lý đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; - Có CBCC vi phạm nhưng không xử lý theo quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo CCHC năm UBND cấp xã; - Quy chế, báo cáo của UBND cấp xã và kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ cấp huyện.
38.	TCTP 5.8.3 - CBCC sử dụng hiệu quả thời giờ làm việc	Yêu cầu: CBCC sử dụng hiệu quả thời giờ làm việc. Nếu: - Không có CBCC vi phạm thì điểm đánh giá là 1; - Có CBCC vi phạm và xử lý đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; - Có CBCC vi phạm nhưng không xử lý theo quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo CCHC năm UBND cấp xã; - Quy chế, báo cáo của UBND cấp xã và kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ cấp huyện.
39.	TCTP 5.8.4 - CBCC không vi phạm việc uống rượu, bia, đồ uống có cồn trong giờ làm việc, giờ nghỉ trưa của ngày làm việc, ngày trực theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016	Yêu cầu: CBCC không vi phạm việc uống rượu, bia, đồ uống có cồn trong giờ làm việc, giờ nghỉ trưa của ngày làm việc, ngày trực theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016. Nếu: - Không có CBCC vi phạm thì điểm đánh giá là 1; - Có CBCC vi phạm và xử lý đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; - Có CBCC vi phạm nhưng không xử lý theo quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo CCHC năm UBND cấp xã; - Quy chế, báo cáo của UBND cấp xã và kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ cấp huyện.
40.	TC 5.9 - Thực hiện công tác tiếp dân định kỳ theo quy định	Yêu cầu: Thực hiện công tác tiếp dân định kỳ theo quy định. Nếu: - Thực hiện tiếp dân định kỳ theo quy định thì điểm đánh giá là 3; - Không thực hiện theo quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo CCHC năm UBND cấp xã; - Quy chế, báo cáo của UBND cấp xã và kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ cấp huyện.
41.	TCTP 6.1.1 - Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước hàng năm	- Vốn đầu tư công của cấp xã được giao trong năm thông qua bằng Nghị quyết

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	vốn ngân sách Nhà nước hàng năm	<p style="text-align: center;"><math>\frac{\text{Tỷ lệ \% giải ngân KH đầu tư vốn NSNN} \times 2}{100\%}</math></p> <p>Ví dụ: Tỷ lệ % giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN là 97% thì điểm đánh giá là <math>[97\% \times 2] / 100\% = 1.94</math> điểm</p> <p><i>Lưu ý: Số liệu giải ngân tính đến ngày thời điểm báo cáo của năm đánh giá.</i></p>	<p>của HĐND cấp huyện hoặc tài liệu khác có cơ sở kiểm chứng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số giải ngân vốn đầu tư công trong năm của xã lấy từ sổ theo dõi của Ban quản lý dự án của huyện hoặc sổ theo dõi từ phòng Tài chính - Kế hoạch;</li> <li>- Đối với xã trong năm không có thực hiện vốn đầu tư công thì được hưởng trọn số điểm.</li> <li>- Căn cứ thẩm định: Kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Tài chính-Kế hoạch cấp huyện (do Phòng Tài chính-Kế hoạch cấp huyện cung cấp).</li> </ul>
42.	TCTP 6.1.2 - Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	<p>Yêu cầu: Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thống kê tổng số tiền phải nộp NSNN đã được Kiểm toán Nhà nước, hoặc cơ quan có thẩm quyền các cấp chỉ ra sau thanh tra, kiểm tra về tài chính, ngân sách tại đơn vị trong 02 năm gần nhất (ví dụ: Đánh giá cho năm 2021 thì thống kê tổng số các kiến nghị được chỉ ra từ kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước trong các năm 2020, 2021);</li> <li>+ Thống kê tổng số tiền đã khắc phục (phải có tài liệu kiểm chứng);</li> <li>+ Điểm đánh giá được tính theo công thức:</li> </ul> <p style="text-align: center;"><math>\frac{\text{Tỷ lệ \% số tiền nộp NSNN} \times 2}{100\%}</math></p> <p>Ví dụ: Tỷ lệ % số tiền nộp NSNN là 97% thì điểm đánh giá là <math>[97\% \times 2] / 100\% = 1.94</math> điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp đơn vị trong 2 năm liền kề với năm đánh giá, chấm điểm CCHC không có kiểm toán hoặc thanh tra, kiểm tra, thì đơn vị phải có báo cáo tự kiểm tra và kết quả tự kiểm tra:</li> <li>+ Nếu kết luận không có sai phạm về tài chính thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>+ Nếu kết luận có sai phạm về tài chính thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của cơ quan có thẩm quyền tại xã trong 2 năm gần nhất;</li> <li>- Báo cáo về việc thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của xã.</li> <li>- Kết quả theo dõi, đánh giá của Phòng Tài chính-Kế hoạch cấp huyện.</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
43.	TCTP 6.1.3 - Thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan hành chính của UBND cấp xã	<p>Yêu cầu: Thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan hành chính của UBND cấp xã. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu Không có sai phạm thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Nếu có sai phạm thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định giao phê duyệt giao quyền thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan có thẩm quyền;</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính của xã.</li> <li>- Kết quả theo dõi, đánh giá của Phòng Tài chính-Kế hoạch cấp huyện.</li> </ul>
44.	TCTP 6.2.1 - Thực hiện quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	<p>Yêu cầu: Thực hiện quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đúng quy định thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Chưa thực hiện hoặc không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện của UBND cấp xã;</li> <li>- Kết quả theo dõi, đánh giá của Phòng Tài chính-Kế hoạch cấp huyện.</li> </ul>
45.	TCTP 6.2.2 - Tổ chức thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng theo quy định của tỉnh và huyện	<p>Yêu cầu: Tổ chức thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng theo quy định của tỉnh và huyện. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức thực hiện và công khai thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Tổ chức thực hiện nhưng chưa thực hiện công khai thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>- Chưa tổ chức thực hiện thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện của UBND cấp xã;</li> <li>- Kết quả theo dõi, đánh giá của Phòng Tài chính-Kế hoạch cấp huyện.</li> </ul>
46.	TCTP 6.2.3 - Tổ chức thực hiện tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng theo quy định của UBND tỉnh, UBND cấp huyện	<p>Yêu cầu: Tổ chức thực hiện tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng theo quy định của UBND tỉnh, UBND cấp huyện. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức thực hiện và công khai thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Tổ chức thực hiện nhưng chưa thực hiện công khai thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>- Chưa tổ chức thực hiện thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện của UBND cấp xã;</li> <li>- Kết quả theo dõi, đánh giá của Phòng Tài chính-Kế hoạch cấp huyện.</li> </ul>
47.	TCTP 6.2.4 - Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản	<p>Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự kiểm tra trong năm thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Không tổ chức kiểm tra thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<p>Thông báo kết luận kiểm của UBND cấp xã</p>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	công		
48.	TC 6.3 - Báo cáo việc thực hiện cải cách tài chính công theo đúng quy định của Sở Tài chính, Phòng Tài chính-Kế hoạch	<p>Yêu cầu: Báo cáo việc thực hiện cải cách tài chính công theo đúng quy định của Sở Tài chính, Phòng Tài chính-Kế hoạch. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đầy đủ báo cáo thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Trường hợp báo cáo thiếu hoặc trễ thời gian quy định thì cứ mỗi báo cáo trừ (-0.25 điểm)</li> </ul>	Báo cáo của của UBND cấp xã (Báo cáo thực hiện của cơ quan, đơn vị)
49.	TC 6.4 - Thực hiện thu ngân sách hàng năm của huyện theo Kế hoạch được tỉnh giao	<p>Yêu cầu: Thực hiện thu ngân sách hàng năm của huyện theo Kế hoạch được tỉnh giao. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu thu ngân sách của huyện trong năm đánh giá vượt chỉ tiêu được tỉnh giao từ 4% trở lên thì điểm đánh giá là 2;</li> <li>- Nếu vượt chỉ tiêu được giao từ 2% - dưới 4% thì điểm đánh giá là 1.</li> <li>- Nếu đạt hoặc vượt chỉ tiêu dưới 2% thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>- Nếu không hoàn thành chỉ tiêu được giao thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện ngân sách nhà nước của cấp xã;</li> <li>- TLKC khác nếu có.</li> </ul>
50.	TCTP 7.1.1 - Tỷ lệ công chức hành chính được trang bị máy tính sử dụng trong công việc	<p>Yêu cầu: Tính tỷ lệ công chức hành chính được trang bị máy tính sử dụng trong công việc. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 90% số công chức trở lên thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Từ 70 - dưới 90 số công chức thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>- Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	Báo cáo của UBND cấp xã và kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện
51.	TCTP 7.1.2 - Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử	<p>- Thống kê: + Tổng số văn bản đi (trừ văn bản mật) (a) + Tổng số văn bản đi được gửi dưới dạng điện tử (b) - Tính tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử: <math>(b/a) \cdot 100</math></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 70% số văn bản trở lên thì điểm đánh giá là 2;</li> <li>- Từ 50% - dưới 70% số văn bản thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Dưới 60% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	Báo cáo của UBND cấp xã và kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện
52.	TCTP 7.1.3 - Tỷ lệ cán bộ, công chức được cấp và thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ (@kiengiang.gov.vn) trong công việc	<p>- Thống kê: + Tổng số cán bộ, công chức (a) + Tổng số cán bộ, công chức được cấp và thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ (b) - Tính tỷ lệ cán bộ, công chức được cấp và thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ (@kiengiang.gov.vn) trong công việc: <math>(b/a) \cdot 100</math></p>	Báo cáo của UBND cấp xã và kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 90% số cán bộ, công chức trở lên thì điểm đánh giá là 2;</li> <li>- Từ 70% - dưới 90% số cán bộ, công chức thì điểm đánh giá là 1.</li> <li>- Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0</li> </ul>	
53.	TCTP 7.1.4 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận và xử lý trên phần mềm Một cửa điện tử	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê:</li> <li>+ Tổng số hồ sơ TTHC tiếp nhận và xử lý trong năm (a)</li> <li>+ Tổng số hồ sơ TTHC được tiếp nhận và xử lý trên phần mềm (b)</li> <li>- Tính tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận và xử lý trên phần mềm Một cửa điện tử: <math>(b/a) \cdot 100</math></li> <li>- Từ 70% số hồ sơ TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 2;</li> <li>- Từ 50% - dưới 70% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	Báo cáo của UBND cấp xã và kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện (thống kê trên hệ thống phần mềm)
54.	TCTP 7.1.5 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn trên phần mềm Một cửa điện tử	<p>Yêu cầu: Tính tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn trên phần mềm Một cửa điện tử. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 80% trở lên số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá là 2</li> <li>- Từ 60% - dưới 80% số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Dưới 60% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	Báo cáo của UBND cấp xã và kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện (thống kê trên hệ thống phần mềm)
55.	TC 7.2 - Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)	<p>Yêu cầu: Số hồ sơ TTHC phát sinh tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 50 số hồ sơ TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Từ 30 – dưới 50 số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>- Dưới 30 hồ sơ thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	Báo cáo của UBND cấp xã và kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện
56.	TC 8.1 - Xây dựng tài liệu HTQLCL và công bố phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	<p>Xây dựng tài liệu HTQLCL và công bố phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật các thay đổi của TTHC, VBQPPL liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào HTQLCL để áp dụng theo quy định (1.5 điểm)</li> <li>+ Cập nhật đầy đủ thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>+ Quyết định ban hành tài liệu HTQLCL để đưa vào áp dụng kịp thời thì điểm đánh giá là 0.5.</li> <li>- Công bố HTQLCL phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 (nếu có) (0.5 điểm)</li> <li>+ Có quyết định và bảng công bố thì điểm đánh giá là 0.25;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy trình được xây dựng mới, ban hành lại; quy trình được sửa đổi, bổ sung.</li> <li>- Quyết định ban hành tài liệu HTQLCL</li> <li>- Quyết định công bố, Bản công bố, Thông báo công bố</li> <li>Kết quả theo dõi của Sở KH&amp;CN; UBND cấp huyện</li> </ul>

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>+ Thông báo công bố gửi Sở KH&amp;CN thì điểm đánh giá là 0.25. (Chưa cập nhật hoặc cập nhật không đầy đủ để áp dụng thì không chấm điểm công bố phù hợp)</p> <p>- Chưa cập nhật các thay đổi của TTHC, VBQPPL liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào HTQLCL để áp dụng theo quy định thì điểm đánh giá là 0. Nếu TTHC, VBQPPL liên quan đến hoạt động xử lý công việc trong tài liệu HTQLCL không có sự thay đổi thì điểm đánh giá là 1.5</p>	
57.	TC 8.2 - Duy trì HTQLCL phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	<p>Yêu cầu: Duy trì HTQLCL phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Nếu:</p> <p>a) Mục tiêu chất lượng (MTCL) (0.5 điểm)</p> <p>- Ban hành MTCL và kế hoạch thực hiện MTCL: 0.25 điểm (MTCL và kế hoạch thực hiện MTCL ban hành sau quý I của năm kế hoạch: 0 điểm)</p> <p>- Báo cáo thực hiện MTCL thì điểm đánh giá là 0.25;</p> <p>- Không ban hành MTCL hay kế hoạch thực hiện MTCL thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>b) Thực hiện đánh giá nội bộ (ĐGNB)</p> <p>- ĐGNB tất cả phạm vi áp dụng (01 điểm)</p> <p>+ Đảm bảo tính khách quan thì điểm đánh giá là 0.5;</p> <p>+ Hồ sơ lưu đầy đủ thì điểm đánh giá là 0.5 điểm (thiếu 01 hồ sơ trừ 0.25 điểm);</p> <p>- ĐGNB chưa đầy đủ phạm vi áp dụng (0.5 điểm)</p> <p>+ Đảm bảo tính khách quan thì điểm đánh giá là 0.25;</p> <p>+ Hồ sơ lưu đầy đủ thì điểm đánh giá là 0.25.</p> <p>- Không thực hiện ĐGNB thì điểm đánh giá là 0 điểm</p> <p>c) Thực hiện xem xét của lãnh đạo (XXLD): 0.5 điểm</p> <p>- Xem xét đầy đủ các nội dung (theo khoản 9.3.2 – Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015)</p> <p>+ Hồ sơ lưu đầy đủ thì điểm đánh giá là 0.5;</p>	<p>- MTCL, Báo cáo thực hiện MTCL.</p> <p>- Bảng chứng của việc thực hiện ĐGNB là có phiếu ghi chép đánh giá của chuyên gia đánh giá. Bộ hồ sơ ĐGNB (Chương trình đánh giá, Kế hoạch đánh giá, Phiếu đánh giá, Báo cáo đánh giá tổng hợp).</p> <p>- Thông báo/Giấy mời họp xem xét của lãnh đạo, Biên bản họp XXLĐ.</p> <p>Báo cáo của cơ quan, đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp huyện</p>



7/6

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hồ sơ chưa đầy đủ thì điểm đánh giá là 0.25.</li> <li>- Xem xét chưa đầy đủ các nội dung (thiếu không quá 02 nội dung).</li> <li>+ Hồ sơ lưu đầy đủ thì điểm đánh giá là 0.25;</li> <li>+ Hồ sơ chưa đầy đủ thì điểm đánh giá là 0.</li> <li>- Không thực hiện hoặc thực hiện xem xét thiếu hơn 02 nội dung thì điểm đánh giá là 0</li> <li>d) Thực hiện giải quyết TTHC phù hợp với quy trình ISO đã ban hành thì điểm đánh giá là 0.5</li> </ul>	
58.	TC 8.3 - Kiểm soát thông tin dạng văn bản.	<p>Yêu cầu: Kiểm soát thông tin dạng văn bản. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh mục tài liệu được cập nhật đầy đủ thì điểm đánh giá là 0.25;</li> <li>- Danh mục hồ sơ được cập nhật đầy đủ thì điểm đánh giá là 0.25;</li> <li>- Không có danh mục tài liệu và danh mục hồ sơ thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh mục tài liệu HTQLCL;</li> <li>- Danh mục tài liệu bên ngoài;</li> <li>- Danh mục hồ sơ.</li> </ul>
59.	TC 8.4 - Báo cáo kết quả thực hiện ISO theo yêu cầu đầy đủ, kịp thời	<p>Yêu cầu: Báo cáo kết quả thực hiện ISO theo yêu cầu đầy đủ, kịp thời. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đúng hạn (01 điểm)</li> <li>+ Số liệu báo cáo đầy đủ theo đề cương thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>+ Tài liệu, hồ sơ kiểm chứng đầy đủ theo yêu cầu thì điểm đánh giá là 0.5.</li> <li>- Báo cáo trễ hạn (không quá 03 ngày) (0.5 điểm)</li> <li>+ Số liệu báo cáo đầy đủ theo đề cương thì điểm đánh giá là 0.2;5</li> <li>+ Tài liệu, hồ sơ kiểm chứng đầy đủ theo yêu cầu thì điểm đánh giá là 0.25.</li> </ul> <p>Không báo cáo (hoặc có báo cáo nhưng không có tài liệu kiểm chứng) hay báo cáo trễ hạn quá 03 ngày thì điểm đánh giá là 0.</p>	Báo cáo của cơ quan, đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp huyện